

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng 4 năm 2024

THUYẾT MINH TÓM TẮT

Đồ án Quy hoạch chung thị xã Bình Long (mở rộng), tỉnh Bình Phước đến năm 2045

A. CÁC CĂN CỨ LẬP ĐỒ ÁN:

Căn cứ Phương án số 353/PA-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước Phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chung thị xã Bình Long (mở rộng), tỉnh Bình Phước đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 457/UBND-KT ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chung đô thị Bình Long (mở rộng), đô thị Chơn Thành (mở rộng).

B. NỘI DUNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH:

I. TỔNG QUAN

I.1. Lý do và sự cần thiết:

Tỉnh Bình Phước nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí không xa Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế lớn nhất của cả nước - lại có cửa khẩu thông thương với Campuchia, Bình Phước có rất nhiều cơ hội để phát triển thương mại, du lịch và xuất khẩu. Bình Phước ngày nay đang từng ngày đổi mới; cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện với hệ thống giao thông thông suốt, kinh tế nông nghiệp phát triển nhanh chóng, hình thành những khu công nghiệp; văn hóa - giáo dục phát triển vượt bậc, cộng đồng các dân tộc đoàn kết cùng phát triển... tạo nên một diện mạo xã hội mới.

Thị xã Bình Long được thành lập theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 11/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Thị xã Bình Long giữ vai trò là trung tâm chính trị - văn hoá - giáo dục phía Tây của tỉnh Bình Phước. Với 6 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 4 phường: An Lộc, Hưng Chiến, Phú Thịnh, Phú Đức và 2 xã: Thanh Lương, Thanh Phú, theo ranh giới hành chính có quy mô đất tự nhiên khoảng 12.640,7 ha (126,41 km²).

Huyện Hớn Quản là vùng đệm cho tam giác phát triển Chơn Thành - Đồng Xoài - Đồng Phú, có vai trò giảm các áp lực về đô thị, môi trường, giữ gìn các không gian xanh, quỹ đất dự trữ, phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Với tổng

diện tích 664,1 km², có 13 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm (An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Thanh Bình, Tân Khai, Phước An, Tân Lợi, Tân Hưng, Thanh An, An Khương, Đồng Nơ, Tân Hiệp và Tân Quan). Những năm qua, trong giai đoạn phát triển từ khi tái thành lập (vào ngày 11/8/2009 theo Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ trên cơ sở một phần của huyện Bình Long trước đây). Nhiều yếu tố KTXH và nhiều chương trình phát triển mới trên địa bàn kết hợp với các chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển kinh tế, kêu gọi đầu tư... đã tác động tích cực đến kinh tế xã hội, phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng cần thiết phải có một đồ án quy hoạch có tính chất tổng thể để nhìn nhận, đánh giá và định hướng phát triển huyện Hớn Quản về KTXH, đô thị, và hệ thống HTKT trong giai đoạn quy hoạch.

Thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản có tuyến đường Quốc lộ 13 từ TP.HCM, Bình Dương đến huyện Lộc Ninh kết nối với Vương quốc Campuchia cùng nhiều tuyến đường nội thị gắn với các trục giao thông chính tạo thành mạng lưới giao thông thuận lợi. Tương lai có tuyến đường sắt xuyên Á (Đĩ An - Lộc Ninh - Campuchia). Từ thị xã Bình Long và Hớn Quản có thể đi lại, vận chuyển hàng hóa đến tất cả các vùng kinh tế trong cả nước, đây chính là điều kiện cho phép đẩy nhanh quá trình mở cửa, hòa nhập với sự phát triển kinh tế bên ngoài.

Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030 đề ra mục tiêu tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đạt đủ chuẩn về quy mô diện tích, dân số cũng như trình độ phát triển cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, tỉnh Bình Phước cũng đưa ra phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 đối với thị xã Bình Long, thị xã Chơn Thành và huyện Hớn Quản. Theo đó, 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Hớn Quản sẽ sáp nhập vào Thị xã Bình Long (văn bản số 353/PA-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Bình Phước).

Từ tình hình thực tiễn và những lý do trên, việc tổ chức **lập Quy hoạch chung thị xã Bình Long (mở rộng), tỉnh Bình Phước đến năm 2045 là hết sức cần thiết và cấp bách**. Đồng thời, phù hợp theo các định hướng của Trung ương, của tỉnh và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương. Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV.

I.2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

- Khu vực lập quy hoạch chung bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thị xã Bình Long và phần diện tích mở rộng bao gồm 10 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Hớn Quản (An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Thanh Bình, Tân Khai, Phước An, Tân Lợi, Tân Hưng, Thanh An, An Khương); có tổng diện tích tự nhiên khoảng 642,69 km²; gồm 16 đơn vị hành chính: 04 phường và 12 xã.

- Khu vực lập quy hoạch có ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Đông : giáp huyện Phú Riềng và huyện Đồng Phú.
- + Phía Tây : giáp tỉnh Tây Ninh.
- + Phía Nam : giáp phần còn lại của huyện Hớn Quản (thị xã Chơn Thành sau sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2025).
- + Phía Bắc : giáp huyện Lộc Ninh.

I.3. Tính chất và chức năng của đô thị:

- Là đô thị bản sắc, sinh thái, văn minh; trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực Tây Bắc của tỉnh Bình Phước.
- Là đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng trên tuyến Quốc lộ 13 của các tỉnh Bình Phước, Bình Dương và Vương Quốc Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Hoa Lư; có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.
- Là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch; phát triển công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp.

I.4. Quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

I.4.1. Quy mô dân số:

Quy mô dân số dân số biến động trong kỳ năm 2023 của toàn thị xã Bình Long theo Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước là 60.909 người, của 10 xã thuộc huyện Hớn Quản theo số liệu thống kê là 95.179 người.

- Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước Phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chung thị xã Bình Long (mở rộng), tỉnh Bình Phước đến năm 2045, được dự báo như sau:

- + Đến năm 2030 dân số đạt khoảng 200.000 người;
- + Đến năm 2045 dân số đạt khoảng 250.000 người.

I.4.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch chung thị xã Bình Long (mở rộng) có tổng diện tích tự nhiên là 642,69 km² (khoảng 64.269,62ha), bao gồm:

- Diện tích tự nhiên thị xã Bình Long hiện hữu (gồm 06 đơn vị hành chính) là: 126,41 km² (khoảng 12.640,67 ha);
- Diện tích tự nhiên của 10 xã thuộc huyện Hớn Quản (An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Thanh Bình, Tân Khai, Phước An, Tân Lợi, Tân Hưng, Thanh An, An Khương) là 516,28 km² (khoảng 51.627,95 ha).

- Việc xác định phạm vi, ranh giới trên được định hướng theo các chủ trương của UBND tỉnh Bình Phước và ý kiến của các Bộ ngành, cụ thể:

- + Công văn số 6646/BNV-CQĐP của Bộ Nội vụ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC của tỉnh Bình Phước giai đoạn

2023 – 2025;

+ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Tỉnh Ủy tỉnh Bình Phước Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI;

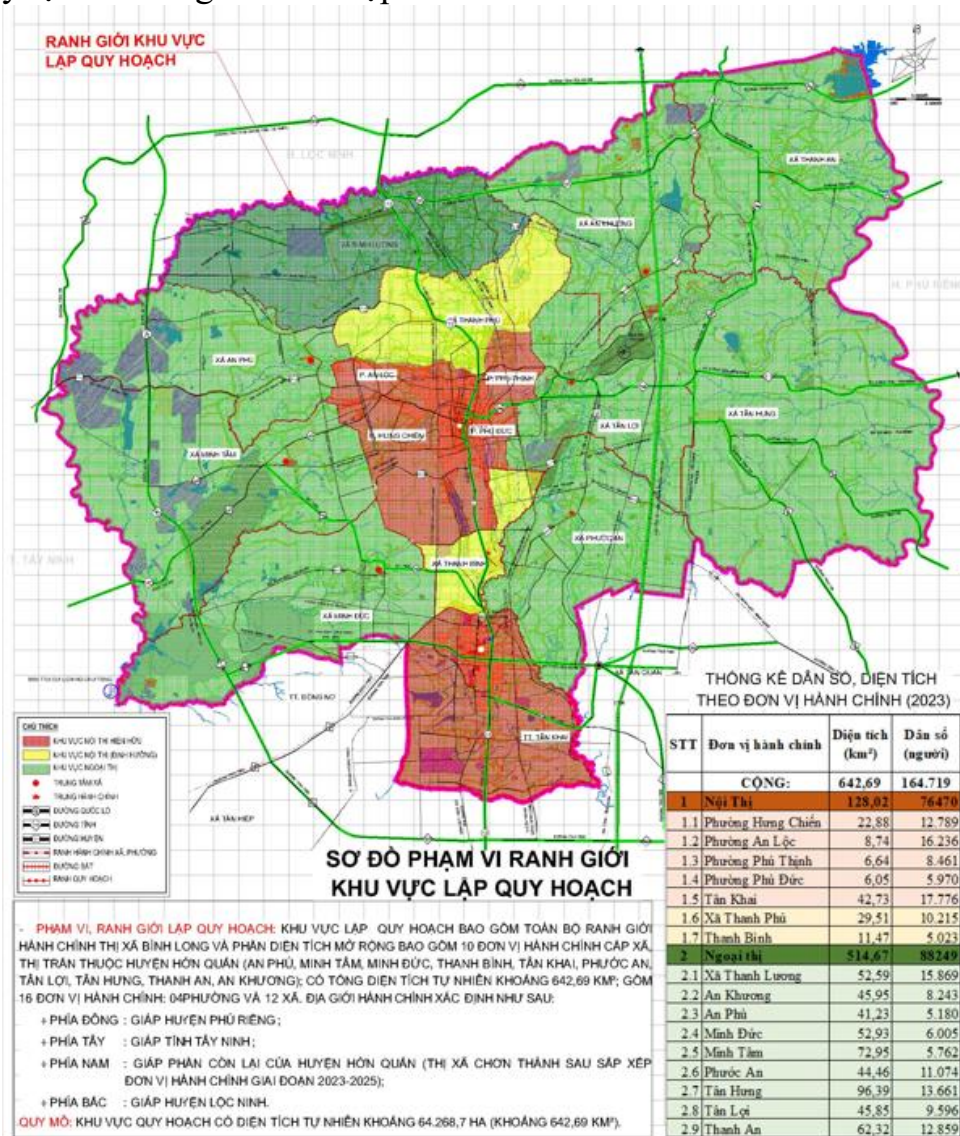
+ Phương án số 353/PA-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Phước.

I.4.3. Thời hạn lập quy hoạch:

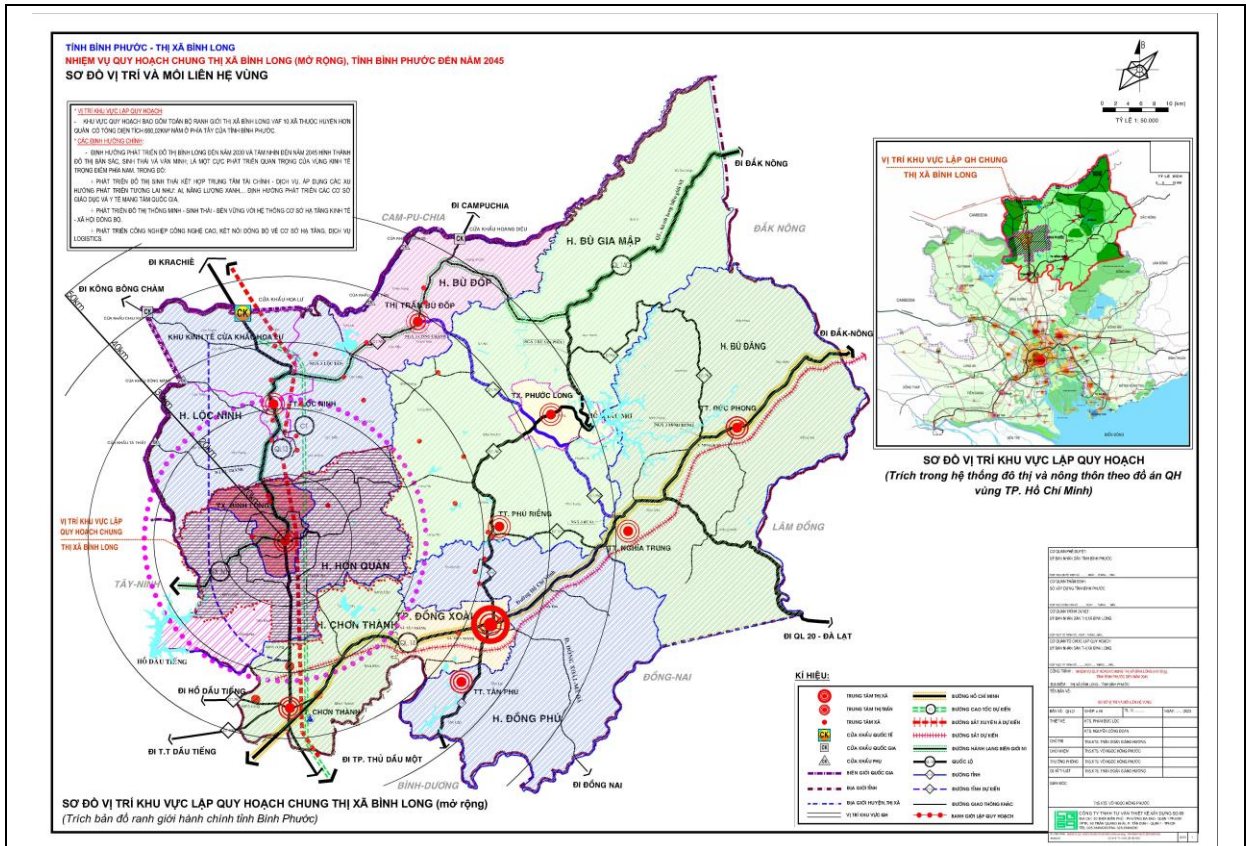
Để phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị, thời hạn quy hoạch từ 20-25 năm, do đó xác định thời hạn nghiên cứu lập quy hoạch chung thị xã Bình Long (mở rộng) như sau:

- Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030 (thị xã Bình Long hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại IV); Quy hoạch dài hạn đến năm 2045.

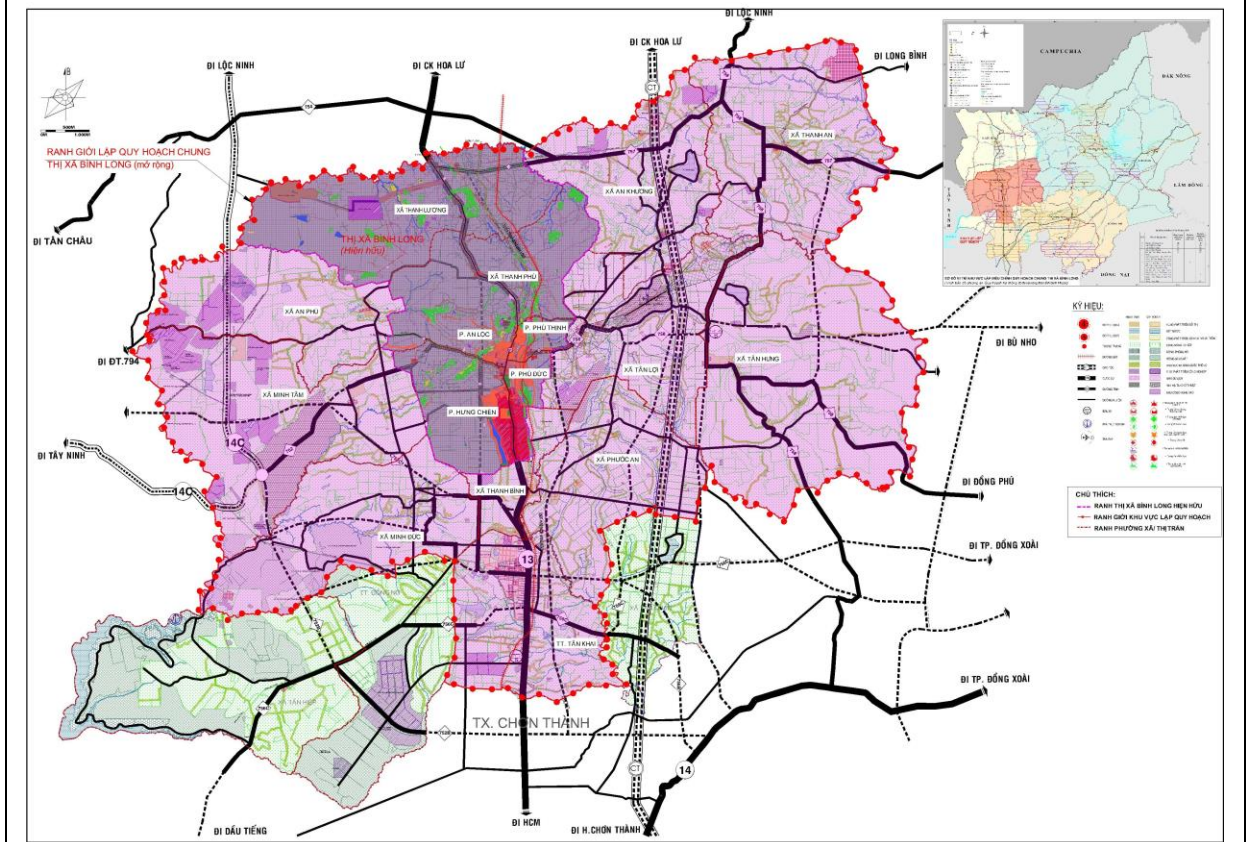
- Tỷ lệ bản đồ nghiên cứu lập đồ án đến 1/10.000.



Hình 1.1- Sơ đồ phạm vi ranh giới thị xã Bình Long (mở rộng)



Hình 1.2- Sơ đồ vị trí thị xã Bình Long (mở rộng) trong vùng tỉnh Bình Phước



Hình 1.3- Sơ đồ phạm vi ranh giới thị xã Bình Long (mở rộng)

I.5. Các căn cứ pháp lý để thực hiện đồ án:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2021/BXD về Quy hoạch xây dựng và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07:2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Kế hoạch số 378-KH/BCĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ban Chỉ đạo triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 về triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Quyết định số 3303/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đề án phát triển đô thị tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Phương án số 353/PA-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước Phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chung thị xã Bình Long (mở rộng), tỉnh Bình Phước đến năm 2045.

II. PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH

II.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên và hiện trạng của đô thị

Thị xã Bình Long (mở rộng) nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, ít gió bão. Phân biệt làm 02 mùa rõ rệt: Mùa mưa: tháng 05 → tháng 11; Mùa khô: tháng 12 → tháng 04.

a. Nhiệt độ:

Nhiệt độ không khí trung bình năm $26,0^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí trung bình cao nhất $32,2^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí trung bình thấp nhất là $10,7^{\circ}\text{C}$.

b. Mưa:

Thị xã Bình Long (mở rộng) có lượng mưa lớn nhất vùng Đông Nam Bộ. Lượng mưa trung bình năm (2.045 - 2.315) mm/năm, phân hóa thành hai mùa rõ rệt. Mùa khô kéo dài trong 6 tháng, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Trong thời gian này lượng mưa rất thấp, chỉ chiếm khoảng 10% – 15% lượng mưa cả năm. Trong khi đó lượng bốc hơi rất cao, chiếm khoảng 64% – 67% tổng lượng bốc hơi cả năm. Mùa mưa kéo dài trong 6 tháng, từ tháng 5 đến tháng 11, lượng mưa tập trung trong thời gian này chiếm tới 85% – 90% tổng lượng mưa cả năm. Lượng mưa lớn và tập trung làm những khu vực có độ dốc lớn dễ bị xói mòn và rửa trôi rất mạnh, lôi cuốn sét mùn từ nơi cao xuống nơi thấp, làm bất đồng hóa phẫu diện và dẫn tới nhiều biến đổi quan trọng trong phân hóa vỏ thổ nhưỡng...

c. Độ ẩm:

Độ ẩm không khí trung bình năm từ 53,2%-80,8%.

d. Năng:

Số giờ nắng các tháng trong năm:

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Giờ	294	263	254	238	235	168	141	125	115	214	201	256

e. Gió:

Có hướng gió chủ đạo là gió mùa Tây Nam (mùa mưa) và Đông Bắc (mùa khô).

Mùa khô: Gió chính Đông chuyển dần sang Đông - Bắc tốc độ bình quân 3,5m/s.

Mùa mưa: Gió chính Đông chuyển dần sang Tây - Nam tốc độ bình quân 3,2m/s.

f. Địa hình

Địa hình của thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản tương đối bằng phẳng, không có núi cao chỉ có một vài ngọn đồi thấp thoải dần theo hướng Bắc - Nam tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc sử dụng đất.

Thị xã Bình Long là vùng đồi thoải thoải, kéo dọc quốc lộ 13 độ dốc 2 bên sườn đồi thoải thay đổi từ 2 % đến 5%. Cao độ cao nhất khoảng 127,6 m (đồi

phía Đông) và thấp nhất là 50m phía Tây Bắc, còn lại hầu hết là đồi thoải trên bậc thềm phù sa cổ cao độ trung bình 80 m – 100 m. Huyện Hớn Quản không có núi cao, chỉ có một vài ngọn đồi thấp thoải dần theo hướng Bắc-Nam. Khu vực phía Bắc (giáp phường An Lộc thuộc thị xã Bình Long) có đồi Đồng Long, phía Đông Nam có núi Gió. Cao độ trung bình 50-55 m, cao nhất ở phía Bắc và Đông Bắc trên vùng đất bazan với độ cao khoảng 70m; còn lại hầu hết là đồi thoải trên bậc thềm phù sa cổ có độ cao từ 45-60m.

g. Khí hậu:

Thị xã Bình Long (mở rộng) mang đặc điểm chung của khí hậu vùng Đông Nam Á, nằm trong vùng khí hậu gió mùa cận xích đạo, nhiệt độ trong năm cao đều và ổn định (26°), ít gió bão, không có mùa đông lạnh, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế nói chung mà đặc biệt là sản xuất nông nghiệp với các cây trồng nhiệt đới điển hình. Đất đai chiếm phần nhiều là đất đỏ bazan, tầng đất dày, thuận lợi cho phát triển cây lâu năm. Đây là tiền đề tạo ra các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm phục vụ công nghiệp, hàng hoá xuất khẩu chiến lược hàng đầu của quốc gia như: cao su, điều, hồ tiêu và một số mặt hàng khác.

h. Tài nguyên đất:

Có thể nói, thị xã Bình Long (mở rộng) là một vùng đất phong phú đa dạng với các loại đất. Bao gồm: Nhóm đất xám (Đất xám trên phù sa cổ và Đất xám giầy trên phù sa cổ) với 1.390,34 ha chiếm 11,01% diện tích tự nhiên. Phân bố ở phía Bắc thị xã Bình Long trên địa bàn Thanh Lương. Nhóm đất đen trên Bazan (đất nâu thẫm trên Bazan): với 560,78 ha chiếm 4,44% tổng diện tích tự nhiên (chỉ có ở Thanh Lương). Nhóm đất đỏ vàng (đất nâu đỏ trên bazan, đất nâu vàng trên bazan, đất vàng đỏ trên phù sa cổ) với 634,31 ha chiếm 76,29% diện tích tự nhiên. Nhóm đất dốc tụ với 885,35 ha chiếm 7,01% diện tích tự nhiên.

i. Tài nguyên khoáng sản:

Không phong phú như tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản nơi đây tương đối ít. Chủ yếu là khoáng sản sét gạch ngói với tổng diện tích 356 ha trữ lượng 15.000.000 m³. Khoáng sản đá xây dựng tổng diện tích 716 ha với trữ lượng 94.850.000 m³. Khoáng sản Laterit (đá phún sỏi đỏ) tổng diện tích 170 ha với trữ lượng là 5.100.000 m³.

j. Tài nguyên nước mặt:

Thị xã Bình Long mở rộng có 02 con sông lớn là Sông Bé và sông Sài Gòn, thuộc hệ thống sông Đồng Nai nằm về 2 hướng Đông và Tây thị xã (mở rộng).

- Sông Bé chảy dài dọc theo trung tâm tỉnh Bình Phước theo hướng Bắc - Nam, chảy qua các Thị xã Phước Long, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú và chảy về tỉnh Bình Dương. Trên dòng Sông Bé đã quy hoạch 04 công trình thủy lợi lớn theo 04 bậc thang (Thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn, SRóc Phú Miêng và Phước Hòa). Hiện nay công trình thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn và Phú Miêng đã đưa vào sử dụng. Đồng thời, hồ Phú Miêng sẽ là nơi cung cấp nguồn nước

phục vụ sinh hoạt cho người dân thị xã trong tương lai.

- Sông Sài Gòn là ranh giới giữa Thị xã Bình Long cũ (nay thuộc huyện Hớn Quản) với tỉnh Tây Ninh. Trên sông này đã hình thành hồ Dầu Tiếng, một hồ tưới lớn nhất vùng ĐNB, với diện tích mặt hồ khoảng 20 ngàn ha và dung tích khoảng 1,5 tỷ m³ nước.

- Trên địa bàn Thị xã Bình Long có nhiều dòng suối nhỏ đều chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, lớn nhất là suối Cần Lê. Mặt khác Bình Long còn có nhiều bung, bầu sẵn nước, thuận lợi cho việc cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

*** Đánh giá chung điều kiện tự nhiên.**

➤ *Điểm mạnh:*

Vị trí thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản nằm trên Quốc lộ 13, là trục hành lang kinh tế đô thị thuộc phía Bắc của vùng TP. Hồ Chí Minh, kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với cửa khẩu quốc tế Hoa Lư đi Campuchia, là một cực phát triển năng động của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, trên địa bàn thị xã mở rộng còn có hệ thống các đường tỉnh ĐT 752, ĐT 756, ĐT 758, ĐT 757 đi qua và các dự án giao thông quốc gia như đường sắt Xuyên Á, Đường cao tốc TP. HCM Hoa Lư,... có tác động mạnh đến tốc độ đô thị hóa của thị xã, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy kinh tế.

Địa hình cao, một số khu vực tương đối bằng phẳng, địa chất công trình tốt, quỹ đất xây dựng dồi dào, có điều kiện để xây dựng phát triển đô thị. Có các suối, hồ cảnh quan vừa cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, vừa tạo cảnh quan và cải tạo môi trường vi khí hậu.

Khí hậu và tài nguyên đất thuận lợi phát triển cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày có thể chế biến và xuất khẩu đem lại giá trị kinh tế cao, đặc biệt là cây cao su, điều, và một số mặt hàng khác...

➤ *Điểm yếu:*

Nằm cách xa đô thị trung tâm vùng TP. Hồ Chí Minh nên khả năng cạnh tranh và thu hút đầu tư gặp nhiều hạn chế.

Do mùa nắng kéo dài, các hồ đập trữ nước ít nên khả năng cung cấp nước cho sinh hoạt, tưới cây cho nông nghiệp gặp nhiều khó khăn về mùa khô.

➤ *Cơ hội:*

Là đô thị có bề dày lịch sử, có tính chất, tiềm năng và động lực mới trong việc phát triển đô thị, được định hướng là đô thị loại IV của tỉnh.

Các dự án giao thông cấp vùng đi qua đô thị tạo sự thuận lợi trong việc kết nối và giao lưu hàng hóa, là động lực để phát triển đô thị và thu hút đầu tư.

Có điều kiện thuận lợi để xây dựng các cụm công nghiệp tập trung, khu

thương mại dịch vụ góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của thị xã.

➤ *Thách thức:*

Việc hình thành các cụm công nghiệp tập trung sẽ có ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tự nhiên.

Đô thị nằm dọc theo tuyến đường Quốc lộ 13, do đó khi phát triển, mở rộng ảnh hưởng đến việc lưu thông của tuyến đường giao thông đối ngoại này. Cần có giải pháp xây dựng các tuyến đường vành đai nhằm hạn chế giao thông xuyên qua đô thị.

Những khu vực địa hình dốc có nguy cơ sạt lở, gây mất an toàn cho người dân. Hồ Xa Cát nằm ở khu vực tụ thủy phía Tây Nam thị xã, là nơi chứa nước phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu lớn nhất của thị xã.

II.2. Khái quát hiện trạng đô thị:

II.2.1. Hiện trạng kinh tế xã hội:

- Sản xuất nông - lâm nghiệp (năm 2022); diện tích trồng cây hàng năm là 379,76 ha; đất trồng lúa chiếm 1.013,11ha; diện tích trồng cây lâu năm là 52.812,36 ha; đất rừng đặc dụng không còn, đất rừng phòng hộ (tại 10 xã thuộc huyện Hớn Quản còn khoảng 102,76ha)

- Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn 10 xã thuộc huyện Hớn Quản đang được quy hoạch 02 khu công nghiệp với tổng diện tích 208 ha và Nhà máy xi măng Minh Tâm, trong đó: khu Công nghiệp Tân Khai II - 160 ha; khu Công nghiệp Việt Kiều 48 ha và 01 dự án của Nhà máy xi măng Minh Tâm đang trong giai đoạn đầu tư cơ sở hạ tầng. Trên địa bàn thị xã Bình Long có hơn 326 cơ sở sản xuất. Trong đó chủ yếu là chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến gỗ. Còn lại là các hoạt động công nghiệp sản xuất kim loại, các loại phi kim khác.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, kinh tế thị xã Bình Long tiếp tục phát triển, chuyển dịch đúng hướng; tiềm năng, lợi thế được khai thác, phát huy có hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của địa phương. Cụ thể trong bảng sau:

Cơ cấu nền kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp, tăng dần ngành thương mại, dịch vụ. Tỷ trọng ngành Nông lâm nghiệp năm 2020 giảm từ 16,74% xuống còn 11,21% so với năm 2015; tỷ trọng ngành Thương mại - dịch vụ tăng từ 34,11% năm 2015 lên 45,67% vào năm 2020 (Nguồn: 2021, Báo cáo tổng hợp QH Sử dụng đất năm 2030).

II.2.2. Hiện trạng dân số và lao động:

Dân số hiện trạng năm 2022 theo niên giám thống kê tỉnh Bình Phước là 156.088 người, bao gồm thị xã Bình Long hiện hữu là 60.909 người và 10 xã huyện Hớn Quản là 95.179 người. Trong đó khu vực nội thị là 34.699 người, ngoại thị là 121.120 người. Tốc độ gia tăng dân số:

Tốc độ gia tăng tự nhiên	: 1,0%
Tốc độ gia tăng cơ học	: 0,2%-0,4%
Tỉ lệ gia tăng dân số chung	: 1,2%-1,45%

Dân số tập trung chủ yếu ở các phường hiện hữu của thị xã Bình Long là phường Hưng Chiến, An Lộc, Phú Thịnh, Phú Đức và thị xã Tân Khai thuộc huyện Hớn Quản. Dân số của thị xã Bình Long (mở rộng) tăng đều qua từng năm gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học do phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị đã thu hút một phần lao động từ các tỉnh khác đến thị xã Bình Long làm việc.

Bảng 2.1. Bảng thống kê dân số, đất đai và mật độ dân số thị xã Bình Long
(Gồm thị xã Bình Long và 10 xã thuộc huyện Hớn Quản)

STT	Tên đơn vị hành chính	Quy mô diện tích (km ²)	Quy mô dân số (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
	CỘNG:	642,69	156.088	242,8667
1	TX Bình Long	126,41	60.909	
1.1	Phường Hưng Chiến	24,88	12.036	484
1.2	Phường An Lộc	8,74	12.622	1.444
1.3	Phường Phú Thịnh	3,94	5.729	1.454
1.4	Phường Phú Đức	4,05	4.904	1.211
1.5	Xã Thanh Lương	52,59	14.731	280
1.6	Xã Thanh Phú	32,21	10.887	338
2	Huyện Hớn Quản	516,28	95.179	
2.1	An Khương	45,95	8.243	179
2.2	An Phú	41,23	5.180	126
2.3	Minh Đức	52,93	6.005	113
2.4	Minh Tâm	72,95	5.762	79
2.5	Phước An	44,46	11.074	249
2.6	Tân Hưng	96,39	13.661	142
2.7	Tân Lợi	45,85	9.596	209
2.8	Thanh An	62,32	12.859	206
2.9	Thanh Bình	11,47	5.023	438
2.10	Tân Khai	42,73	17.776	416

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2022)

Cơ cấu lao động trên địa bàn chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại – dịch vụ. Chất lượng lao động chưa được đào tạo đồng bộ, thiếu đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên môn cao. Tỷ lệ lao động được đào tạo ngành nghề, chuyên môn kỹ thuật còn ít. Vấn đề chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm cho người lao động gặp khó khăn không nhỏ.

II.3. Hiện trạng sử dụng đất

Khu vực lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới thị xã Bình Long gồm 4 phường, 2 xã và 10 xã thuộc huyện Hớn Quản có tổng diện tích tự nhiên: 64.268,6ha, được thống kê hiện trạng sử dụng đất theo bảng sau:

Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất

STT	Loại đất	Mã	Thị xã BÌNH LONG (mở rộng)	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
1	Đất nông nghiệp	NNP	56.580,85	88,04%
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.013,11	1,58%
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	379,76	0,59%
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	52.812,36	82,17%

1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	102,76	0,16%
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	0,00%
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX	1.646,21	2,56%
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	59,69	0,09%
1.8	Đất làm muối	LMU	-	0,00%
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	566,96	0,88%
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.680,64	11,95%
2.1	Đất quốc phòng	CQP	388,95	0,61%
2.2	Đất an ninh	CAN	1.083,41	1,69%
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	264,00	0,41%
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	0,00%
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	22,82	0,04%
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	484,06	0,75%
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	318,52	0,50%
2.8	Đất sản xuất VLXD, làm gốm	SKX	45,14	0,07%
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện	DHT	2.646,60	4,12%
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	0,00%
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,91	0,02%
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,73	0,02%
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	656,37	1,02%
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	344,60	0,54%
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	39,58	0,06%
2.16	Đất XD trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS	0,98	0,00%
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	0,00%
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,93	0,00%
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	991,08	1,54%
2.20	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	353,40	0,55%
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	12,56	0,02%
3	Đất chưa sử dụng	CSD	7,13	0,01%
Cộng			64.268,62	100,0%

(Nguồn: Niên giám thống kê thị xã Bình Long, và huyện Hớn Quản 2023)

II.4. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội

Đô thị hiện hữu phát triển dọc theo Quốc lộ 13, Quốc lộ 14C, đường ĐT752; ĐT756, ĐT757, ĐT758, ĐT756C, ĐT752C, ... Các công trình công cộng, chủ yếu tập trung ở khu trung tâm hiện hữu. Hệ thống công trình giáo dục, y tế, công trình thể dục thể thao tương đối đầy đủ đáp ứng cho nhu cầu sử dụng hiện tại. Cụ thể:

II.4.1. Công trình cơ quan, hành chính:

Các công trình cơ quan hành chính thuộc UBND thị xã chủ yếu tập trung ở đường Lê Quý Đôn; Trụ sở Thị Ủy và các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội tập trung đường Lý Thường Kiệt. Trụ sở Thị ủy trước đây là Dinh tỉnh

trường tỉnh Bình Long được xây dựng năm 1920 do Pháp xây dựng làm cơ sở điều hành việc khai thác mủ cao su, trụ sở làm việc UBND thị xã là tòa hành chính tỉnh Bình Long. Các trụ sở cơ quan Đảng và cơ quan hành chính thị xã được xây dựng từ năm 2003. Trụ sở hành chính huyện Hớn Quản đặt tại thị trấn Tân Khai tiếp giáp quốc lộ 13.

II.4.2. Công trình y tế:

Trung tâm y tế thị xã ngoài việc đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn thị xã nói riêng còn đáp ứng cho nhu cầu khám chữa bệnh của người dân các huyện Hớn Quản và huyện Lộc Ninh. Hiện trạng cơ sở hạ tầng Trung tâm y tế thị xã có quy mô 350 giường thực kê, với cơ sở vật chất như hiện nay rất khó khăn trong việc phát triển chuyên môn kỹ thuật đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Trên địa bàn thị xã Bình Long ngoài Trung tâm y tế có Bệnh viện Công ty Cao su và các dịch vụ khám, chữa bệnh tư nhân có khả năng chia sẻ các dịch vụ y tế với y tế nhà nước như Phòng Khám đa khoa Bình Long, phòng khám đa khoa Khải Nguyên với đầy đủ các chuyên khoa, điều trị trong ngày.

Huyện Hớn Quản hiện nay có 01 Trung Tâm Y tế và 13 Trạm y tế xã; 111 y tế ấp sóc. Trụ sở được xây dựng kiên cố, chiều cao tầng 1-2 tầng, Khuôn viên rộng rãi, đáp ứng đủ cho nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. (Theo Niên giám Thống kê huyện Hớn Quản 2022).

II.4.3. Công trình giáo dục:

Toàn thị xã hiện hữu có 27 cơ sở giáo dục (trong đó có 4 trường đạt chuẩn) gồm: Bậc mầm non 10 trường (trong đó có 03 trường ngoài công lập). Bậc tiểu học 08 trường. Bậc THCS: có 06 trường (trong đó THCS: 03 trường có 01 trường Phổ thông Dân tộc nội trú). TH-THCS 03 trường. Bậc THPT: 03 trường và 01 Trung tâm GDNN-GDTX.

Huyện Hớn Quản có hệ thống trường học cho các cấp học, môi trường giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực về cảnh quan, cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục, tạo môi trường giáo dục thân thiện. Toàn huyện hiện có 21 trường: cấp tiểu học: 6 trường; cấp trung học cơ sở 4 trường; 9 trường phổ thông cơ sở (là trường ghép giữa tiểu học và trung học cơ sở có từ lớp 1-9), 2 trường PTTH. Trong đó: 17 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; huyện duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, duy trì đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 1, duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% và tốt nghiệp THCS trên 98%, học sinh bỏ học giảm 0,5% và 100% giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn. (Theo Niên giám Thống kê huyện Hớn Quản 2022).

Nhìn chung, hệ thống giáo dục từ mầm non đến phổ thông khá hoàn chỉnh, quy mô phù hợp; việc huy động trẻ đến trường được thực hiện tốt. Chất lượng giáo dục được tiếp tục cải thiện. Kết quả phổ cập giáo dục ở các bậc học. Cơ sở vật chất trang thiết bị được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, so với quy định của Bộ

Giáo dục và Đào tạo hiện nay về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường lớp thì nhiều trường chưa đảm bảo để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập, đổi mới giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

II.4.4. Công trình văn hóa:

Thị xã Bình Long có các công trình văn hóa như: Di tích lịch sử cấp quốc gia mộ 3.000 người; 4 Di tích cấp tỉnh như trường Quốc Quang, Mộ lực lượng vũ trang An Lộc, “ Nhà và đường hầm” phường Phú Đức, Đình Tân Lập Phú-phường Phú Thịnh; 1 thư viện với trên 8.000 đầu sách. Riêng 02 xã nông thôn mới có thư viện điện tử, mỗi thư viện 5 máy tính có kết nối internet tốc độ cao. Bên cạnh đó, hệ thống truyền thanh thông minh của thị xã được đầu tư nhiều trang thiết bị hiện đại. Trên địa bàn thị xã Đài phát thanh phủ sóng đến 100% khu dân cư; ngoài ra 100% các phường, xã đều có đài truyền thanh cơ sở.

Huyện Hớn Quản đã đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao tại thị trấn Tân Khai, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân trong huyện. Tỷ lệ áp, sóc có nhà văn hóa cộng đồng chiếm tỷ lệ 95% (97 nhà văn hóa/102 khu dân cư. Công tác bảo tồn các di tích trên địa bàn được quan tâm; trong nhiệm kỳ, Tượng Đài Chiến Thắng Tàu Ô được công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia và Đình Thần Tân Khai được công nhận di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh.

II.4.5. Công trình thể dục thể thao:

Thị xã Bình Long hiện hữu: Công trình thể dục thể thao hiện có cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân và các phong trào của thị xã gồm các công trình như Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi thị xã, nhà thi đấu đa năng, 02 công trình hồ bơi, 04 sân đá banh mini cỏ nhân tạo do tư nhân đầu tư, 02 sân quần vợt, 4 sân cầu lông. Đầu tư xây dựng 26 máy tập thể thao ngoài trời tại công viên nội ô thị xã.

Huyện Hớn Quản: Hoạt động thể dục- thể thao được khuyến khích phát triển với nhiều loại hình, 100% xã có mặt bằng sân bóng đá, bóng chuyền, trong đó 08/13 xã có sân bóng đá đạt chuẩn và 12/13 xã có sân bóng chuyền đạt chuẩn. Phong trào xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí được tư nhân hưởng ứng đầu tư kinh doanh.

II.4.6. Công trình thương mại, dịch vụ:

Thị xã Bình Long hiện hữu:

- Các loại hình thương mại, dịch vụ trên địa bàn thị xã chủ yếu tập trung dọc theo tuyến đường Nguyễn Huệ, khu vực Chợ Bình Long. Hệ thống dịch vụ và các chuỗi cửa hàng bán lẻ của các tập đoàn, công ty lớn đã đầu tư các cửa hàng tại thị xã như điện máy xanh, bách hóa xanh, thế giới di động. Nhìn chung các loại hình thương mại và dịch vụ còn nhỏ lẻ chưa có trung tâm thương mại lớn để đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn thị xã, số lượng ngân hàng thương mại còn ít (05 ngân hàng thương mại).

- Hiện nay, thị xã Bình Long có 2 Chợ truyền thống (Chợ Bình Long và

Chợ Thanh Lương) trong đó: Chợ Bình Long là trung tâm mua, bán, cung cấp hàng hóa cho nhân dân trên địa bàn thị xã. Chợ được xây dựng từ năm 1968, được sửa chữa năm 1980 và năm 1990 nhà nước đầu tư xây dựng mới thêm 01 nhà lồng còn lại các điểm kinh doanh do tiểu thương đóng góp để xây dựng các kiot tạm để buôn bán (có kết cấu khung sắt, nền xi măng, mái lợp tôn), không có bãi giữ xe, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy chưa đảm bảo đúng quy định, chưa lắp đặt hệ thống chống sét; Chợ Thanh Lương tiếp giáp với Quốc lộ 13 thuận tiện cho giao thương hàng hóa tại xã nông thôn mới. Ngoài ra trên địa bàn còn có 47 nhà phân phối; 1 cửa hàng tiện ích; Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể buôn bán các mặt hàng tạp hóa, thực phẩm truyền thống.

Huyện Hớn Quản: Huyện Hớn Quản có 4.787 cơ sở kinh doanh thương mại - dịch vụ, lao động 7.349 người. Trong đó có 3.101 cơ sở hoạt động lĩnh vực thương mại, 1.686 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

- Về hệ thống chợ, trên phạm vi quy hoạch ở huyện Hớn Quản có 5 chợ :

STT	TÊN CHỢ	VỊ TRÍ
1	Chợ Tân Khai	Thị trấn Tân Khai
2	Chợ Thanh An	Xã Thanh An
3	Chợ Minh Đức	Xã Minh Đức
4	Chợ Phước An	Xã Phước An
5	Chợ Tân Hưng	Xã Tân Hưng

(Nguồn: Phòng Kinh tế và Hạ tầng – năm 20223)

II.4.7. Công viên cây xanh, vườn hoa:

Hiện trạng Công viên cây xanh, vườn hoa chủ yếu tập trung khu vực nội ô thị xã có tổng diện tích 1.8 ha. Thị xã đã kết hợp lắp đặt máy tập thể dục phục vụ nhu cầu thể dục cho người dân.

Huyện Hớn Quản hiện có khu cây xanh quảng trường trước khu trung tâm hành chính tập trung.

a) Nhà ở: Thời gian gần đây trên địa bàn thị xã (mở rộng) nhu cầu xây dựng nhà ở riêng lẻ của người dân tăng, các loại hình nhà ở của người dân khá phong phú phân bố như sau:

- Dọc theo các tuyến phố chính và trung tâm các xã: chủ yếu là nhà ở liên kế từ 2 - 4 tầng, có mục đích ở kết hợp kinh doanh các loại hình dịch vụ.

- Khu vực đường phố trong các khu dân cư hiện hữu phát triển loại hình nhà riêng lẻ, nhà biệt thự được xây dựng với kiến trúc hiện đại.

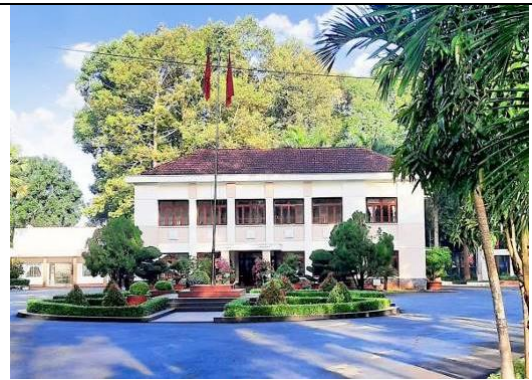
- Khu vực xa trung tâm của xã: người dân xây dựng nhà vườn, nhà ở kiên cố, chất lượng tốt.

Ngoài ra có các dự án phát triển nhà ở đã được UBND tỉnh chấp thuận

Quyết định chủ trương đầu tư như khu dân cư Khang Minh Quân, khu dân cư Ngọc Điền Phát, khu dân cư Đại Tân, khu dân cư Hưng Mai, khu dân cư 15ha, trong đó Khu dân cư Khang Minh Quân đang được triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng. Các dự án phát triển nhà ở được xây dựng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, góp phần tăng vẽ mỹ quan đô thị...



Trung tâm hành chính H.Hơn Quận



Trụ sở UBND thị xã Bình Long



Trung tâm y tế huyện Hớn Quận



Bệnh viện đa khoa cao su Bình Long



Trường THCS An Lộc B



Trường THCS An Khương



Trường THPT chuyên Bình Long



Trường THPT TX Bình Long

	
<p>Chùa Phật quốc Vạn Thành</p>	<p>Di tích mộ 3.000 người</p>
	
<p>Tượng đài chiến thắng Chốt chặn Tàu Ô</p>	<p>Công viên thị xã Bình Long</p>
	
<p>Trụ sở Phòng Văn hóa và Thông tin</p>	<p>Sân tennis</p>
	
<p>Chợ Tân Khai</p>	<p>Cửa hàng tiện ích</p>
<p>Hình 2.1. Các công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn thị xã Bình Long mở rộng</p>	

	
<p>ĐT.752</p>	<p>ĐT.757</p>
	
<p>Đường Nguyễn Huệ (QL13)</p>	<p>Đường trong TTHC huyện Hớn Quản</p>
	
<p>Đường Sư Vạn Hạnh</p>	<p>Đường nội ô Bình Long</p>
	
<p>Trạm tăng áp Tân Khai, Hớn Quản</p>	<p>Mương thoát nước hiện hữu</p>
<p>Hình 2 .2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thị xã Bình Long mở rộng</p>	

II.5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

II.5.1. Giao thông:

a) *Giao thông đường bộ*

Quốc lộ 13: là tuyến giao thông quan trọng kết nối TP. Hồ Chí Minh – Bình Phước – Campuchia, đoạn chạy qua thị xã Bình Long có chiều dài 15,175 km, đoạn đi qua nội thị chiều dài 2 km lộ giới 32m, quy mô 6 làn xe, ngoại thị chiều dài 13,175 km, lộ giới 58m, quy mô 6 làn xe, chưa có dây phân cách và điện chiếu sáng.

Đường Tỉnh ĐT.752: Là tuyến kết nối thị xã Bình Long hiện hữu với huyện Hớn Quản và tỉnh Tây Ninh, đã được nâng cấp, lộ giới 42m, mặt đường bê tông nhựa 18m, 6 làn xe, đoạn đi qua thị xã dài 4,4 km. Hiện tại đang trong giai đoạn thi công 2km đoạn giáp huyện Hớn Quản.

Đường tỉnh ĐT.756: là tuyến giao thông quan trọng kết nối thị xã Chơn Thành với huyện Lộc Ninh. Điểm đầu giao với tuyến Quốc lộ 14 tại thị xã Chơn Thành, điểm cuối giao với đường tỉnh 759B huyện Lộc Ninh. Mặt BTN rộng 5,0-7,0m, nền 9m, dài 25,0Km.

Đường Tỉnh ĐT.757: là tuyến đường kết nối từ xã Thanh Lương đi huyện Hớn Quản, huyện Phú Riềng và kết nối với các tỉnh Tây Nguyên, chiều dài 4,16 km, lộ giới 42m, quy mô 2 làn xe, mặt đường láng nhựa.

Đường Tỉnh ĐT.758: là tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã đi huyện Hớn Quản, huyện Đồng Phú, đường ĐT.741; chiều dài qua thị xã 2,18 km, lộ giới 42m, quy mô 2 làn xe; chiều dài qua Hớn Quản khoảng 10,5km. Hiện tại đang lập dự án nâng cấp mở rộng, dự kiến khoảng năm 2022 tiến hành thi công, nguồn kinh phí ngân sách tỉnh, do Ban Quản lý dự án tỉnh là chủ đầu tư.

Đường sắt Dĩ An – Lộc Ninh: Hiện không hoạt động, tuyến đường này đã được xây dựng từ thời Pháp thuộc với khổ đường 1m, qua nhiều năm chiến tranh tuyến đường đã bị hư hỏng đang có dự án khôi phục.

Hệ thống đường đô thị được tổ chức theo dạng bàn cờ, đang được đầu tư tu bổ hoàn thiện, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, đồng thời bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp đến mọi công trình.

b) *Bến xe:*

Tại thị xã có Bến xe khách Bình Long được xây dựng tại phường Phú Thịnh, giáp trục đường Nguyễn Du, quy mô 01ha. Đã được đầu tư hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu của nhân dân thị xã. Dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thị xã chủ yếu do các doanh nghiệp đầu tư khai thác như: Hợp tác xã vận tải hành khách Bình Long, Công ty CP ĐT XD CS HT Bình Phước với các loại hình giao thông công cộng gồm có xe Bus (Bình Long – Lộc Ninh, Bình Long – Chơn Thành – Đồng Xoài), xe khách (29 chỗ, 45 chỗ) chạy tuyến nội tỉnh và liên tỉnh đã góp phần phục vụ tốt nhu cầu vận tải, đi lại của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Trên địa bàn huyện Hớn Quản không có bến xe khách, nên mọi phương tiện vận tải hành khách đều tập trung về các điểm đón trên trục đường QL13

II.5.2. Hiện trạng cấp điện.

a. Nguồn cấp điện:

Hiện nay thị xã Bình Long (mở rộng) được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia qua trạm Bình Long 110/22kV – 40MVA, trạm này nhận điện lưới qua tuyến 110kV từ trạm Bình Long 2 220/110kV – 2x250MVA và trạm Lộc Ninh 110/22kV – 25MVA đến.

b. Lưới điện:

- Lưới 220kV: Các tuyến 220kV hiện có tuyến đường dây 220kV mạch kép Đắc Nông- Bình Long; Tuyến đường dây 220kV mạch kép Mỹ Phước- Bình Long.

- Lưới 110kV :

Tuyến đường dây 110kV mạch đơn lộ 173 trạm 220kV Bình Long 2- trạm 110kV Cần Đơn; Tuyến đường dây 110kV mạch đơn từ lộ 175 trạm 220kV Bình Long 2- lộ 172 trạm 110kV Bình Long; Tuyến đường dây 110kV lộ 171 trạm 110kV Bình Long- lộ 171 trạm 110kV xi măng Tây Ninh; Tuyến đường dây 110kV từ trạm 110kV Bình Long- lộ 173 trạm 220kV Tây Ninh; Tuyến đường dây 110kV mạch đơn từ trạm lộ 220kV Bình Long 2- rẽ xi măng Bình Phước- Chơn Thành; Tuyến đường dây 110kV mạch đơn từ lộ 176 trạm 220kV Bình Long 2- lộ 172 trạm 110kV Dầu Tiếng (tỉnh Tây Ninh).

- Lưới trung thế có dạng hình tia, các tuyến trung thế có cấu trúc 3 pha 4 dây, trung tính nối đất trực tiếp, các nhánh rẽ được bảo vệ bằng FCO. Các tuyến trung thế hiện hữu được xây dựng và vận hành ở cấp điện áp 22kV, tất cả là đường dây trên không, sử dụng cáp nhôm, nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao 10 đến 14 mét. Các tuyến chính trung thế đi theo các trục quốc lộ 13, và 1 số trục trong khu vực thị xã.

- Từ các trạm hạ thế có các tuyến 0,4kV cấp điện cho các hộ tiêu thụ và đèn đường. Các tuyến này sử dụng cáp ABC hoặc cáp đồng bọc cách điện, đi trên trụ bê tông ly tâm 8,4 mét hoặc đi chung với tuyến trụ trung thế.

- Lưới điện nhìn chung đạt yêu cầu kỹ thuật, các tuyến chính đều khép mạch vòng, chất lượng điện năng cung cấp tương đối tốt.

c. Hệ thống cung cấp năng lượng:

Điện lực Bình Long và điện lực Hớn Quản trực thuộc Công ty Điện lực Bình Phước cung cấp điện trên địa bàn hiện nay hệ thống điện lực đang quản lý vận hành ổn định và an toàn các tuyến đường dây trung áp với tổng chiều dài đường dây 194,05 km; đường dây hạ áp với tổng chiều dài 225,71 km, 423 TBA với tổng dung lượng là 53.302,5 KVA.

Điện lực Bình Long và điện lực Hớn Quản đã đảm bảo cung cấp điện phục vụ nhu cầu sản xuất - dịch vụ và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn thị xã, thực hiện tốt công tác cấp điện cho sự phát triển kinh tế của địa phương,... Đảm bảo

cung cấp điện an toàn và liên tục.

II.5.3. Hiện trạng cấp nước:

Nguồn nước mặt của thị xã chỉ có trong mùa mưa khi nước mặt tràn vào các hồ, bầu trứng và các suối Chà Là ở phía Tây và Sa Cát ở phía Đông

Thị xã Bình Long có một nhà máy nước khai thác nguồn nước từ hồ Sa Cát để cung cấp nước sạch với công suất 3.000 m³/ ngày.đêm. Hiện nay đang được nâng cấp công suất 5.200 m³/ ngày.đêm. Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch trên địa bàn thị xã đã đầu tư tổng chiều dài 42 km, cung cấp nước sạch cho 2.630/8.471 hộ dân của 4 phường. Mạng lưới đường ống cấp nước còn thiếu chưa phủ kín đến tất cả các tuyến đường và các hộ dân trên địa bàn 4 phường. Riêng 2 xã Thanh Lương và Thanh Phú có trạm bơm cấp nước từ nhà máy thủy điện Sock Phú Miêng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất cho người dân 2 xã.

Huyện Hớn Quản có các nguồn cấp nước sau:

- Tại khu vực thị trấn Tân Khai có trạm tăng áp tiếp nhận nguồn từ nhà máy nước Chơn Thành đưa về với công suất 3.000 m³/ngđ.

- Nhà máy nước Shok Phu Miêng do IDC khai thác công suất 5.000m³/ngđ, cung cấp cho nhà máy xi măng, khu quân sự và 1 phần dân cư xã Thanh An.

- Khu vực các xã có 2 hệ thống cấp nước thuộc quản lý trung tâm thủy lợi tỉnh: Trạm cấp nước Tân Khai có công suất 276m³/ngđ; Trạm cấp nước xã Minh Đức có công suất 432m³/ngđ.

- Một số khu vực người dân sử dụng nước mưa, giếng đóng (nước ngầm) hoặc nước mặt trên các suối, hồ trên địa bàn.

Nhìn chung hệ thống cấp nước hiện tại đã đủ phục vụ cho sự phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn thị xã. Trong tương lai với sự phát triển mạnh các khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch cần phải xây dựng thêm hệ thống cấp nước để đảm bảo cấp nước cho các khu công nghiệp, vùng các khu đô thị mới.

II.5.4. Hệ thống thoát nước thải và chất thải rắn, nghĩa trang

Khu vực trung tâm thị xã có hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, sử dụng công thoát nước và mương bê tông hở, tập trung vào các tuyến đường trung tâm thị xã như: Quốc lộ 13, Trần Hưng Đạo, Phan Bội Châu, Hùng Vương, Thủ Khoa Huân,... Nước thải sinh hoạt của nhà ở và các công trình được xử lý cục bộ qua các bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống công chung và thoát ra môi trường. Thị xã chưa có trạm xử lý nước thải.

Hiện nay rác thải của thị xã Bình Long hiện hữu đang được xử lý theo hình thức thu gom và vận chuyển qua nhà máy xử lý rác thải ở Đồng Xoài để xử lý. Huyện Hớn Quản Hiện nay huyện đã có hệ thống thu gom CTR tại thị trấn Tân Khai; các xã có các điểm tập kết, sau đó được vận chuyển đến các bãi rác của huyện; Toàn huyện có 5 bãi rác thải tại xã Tân Quan, xã Tân Hưng, xã Thanh An, xã An Khương, xã Minh Tâm.

Thị xã Bình Long hiện hữu hiện nay có nghĩa trang nhân dân thị xã tại ấp Sóc Giếng, xã Thanh Lương với diện tích 12,66 ha, chưa có nhà tang lễ và cơ sở hỏa táng. Các xã trên địa bàn huyện Hớn Quản đều có các nghĩa trang, nghĩa địa nhỏ, tổng diện tích khoảng 97ha.

II.6. Đánh giá đất xây dựng:

Tổng quan đất xây dựng khu vực Thị xã Bình Long (mở rộng) có thể chia làm 3 loại:

Đất đã xây dựng: Là khu vực đô thị hiện hữu, gồm những khu vực trung tâm hiện hữu, thị trấn Tân Khai và ven Quốc lộ 13, khu vực đô thị Nam An Lộc (thuộc phường Hưng Chiên), độ dốc địa hình có độ dốc 3° - 8° . Đất đai có điều kiện địa hình địa chất thuận lợi cho xây dựng, cần cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước mưa, bảo vệ nền đất xây dựng.

Đất ít thuận lợi cho xây dựng: Tập trung chủ yếu ven các suối, khe, độ dốc địa hình $>15^{\circ}$, địa chất ít ổn định, chịu tác động của chế độ dòng chảy không ổn định của khe suối và bị xâm thực bề mặt.

Đất thuận lợi cho xây dựng: Là khu vực trồng cây công nghiệp và một phần diện tích rừng tự nhiên còn sót lại, ít bị xâm thực bề mặt, độ dốc thuận lợi cho xây dựng, địa chất ổn định, nhưng đây cũng là khu vực hạn chế xây dựng để bảo vệ hệ sinh thái đặc trưng và vùng cây công nghiệp.

Sông suối: Khu quy hoạch có các suối chính như: sông Bé, sông Sài Gòn, suối Càn Lê, suối Cầu Trắng ở phía Tây và suối Sa Cát ở phía Đông, các suối có mặt cắt hẹp, độ dốc lớn, ngoài ra có 1 số bàu trũng chứa nước trong mùa mưa, mùa khô cạn kiệt.

Ngành thủy lợi đã xây dựng được đập hồ Xa Cát mang lại lợi ích lớn cho việc cung cấp nước tưới và nước sinh hoạt cho thị xã.

II.7. Những vấn đề tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý phát triển đô thị

Trong thời gian gần đây, Bộ Xây dựng đã tập trung nghiên cứu điều chỉnh Chiến lược phát triển đô thị quốc gia; xây dựng Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2021 - 2030; triển khai Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh; triển khai Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu” nhằm lồng ghép những nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu vào các văn bản quy phạm pháp luật cũng như vào các định hướng quy hoạch hệ thống đô thị quốc gia đến năm 2025 và quy hoạch chung các đô thị; điều chỉnh và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Trên cơ sở đó, địa phương đang từng bước đề xuất các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị được xây dựng, điều chỉnh theo hướng phù hợp với thực tiễn và đáp ứng các yêu cầu của phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh theo chủ trương chung của Nhà nước.

Trong thời gian qua, Bình Long đạt được một số thành tựu đáng kể trong công cuộc xây dựng và phát triển đô thị. Nhiều dự án cũng như khu đô thị, khu

dân cư được hình thành, nâng cấp và phê duyệt; chất lượng một số đô thị cũng được nâng cao vượt bậc (như nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ xã hội,...). Các đô thị ở thị xã Bình Long đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, cũng như tỉnh Bình Phước và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Đồ án Quy hoạch chung thị xã Bình Long phê duyệt năm 2015 đã đáp ứng cho công tác quản lý đô thị trên địa bàn trong thời gian qua, sau hơn 7 năm tổ chức thực hiện từ năm 2005-2022, trên địa bàn thị xã đã triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực trung tâm; xây dựng được một số công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên trục đường chính của đô thị, phát triển thêm các khu dân cư, khu công nghiệp (khu công nghiệp Việt Kiều) bước đầu đã hình thành. Tuy nhiên nhìn chung đô thị vẫn chưa được nâng cấp mở rộng nhiều, phát triển chủ yếu bám theo các tuyến chính Quốc lộ 13, xung quanh khu vực trung tâm thị xã. Một số công trình hạ tầng được xây dựng ở khu đô thị mới Nam An Lộc, Khu trung tâm thương mại và khu dân cư Thanh Bình, Khu dân cư Thanh Bình, Khu dân cư Phú Sơn, Khu dân cư Phú Bình,... Chưa phát huy được những tiềm năng phát triển kinh tế, chưa tạo được động lực đột phá để thu hút các nhà đầu tư.

Riêng huyện Hớn Quản đã tổ chức lập quy hoạch chung 13/13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện gồm quy hoạch chung đô thị Tân Khai; Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới 12 xã. Tuy nhiên, các quy hoạch này đã triển khai từ lâu. Hiện nay, các xã đang tiến hành lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới theo quy định hiện hành;

- Về quy hoạch các khu chức năng: Quy hoạch khu Công nghiệp Việt Kiều; Quy hoạch khu Công nghiệp Tân Khai II; Các quy hoạch chi tiết các khu dân cư trên địa bàn huyện.

Công tác quản lý thực hiện các quy hoạch tuân thủ theo các quy định của Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị: Sau khi được phê duyệt, các đồ án được công bố công khai để các tổ chức cá nhân trên địa bàn huyện được biết và thực hiện. Trên cơ sở các đồ án được phê duyệt, UBND huyện tiến hành các thủ tục đầu tư và kêu gọi đầu tư theo các định hướng phát triển không gian, sử dụng đất đúng thành phần các loại đất cũng như dần từng bước đầu tư đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông đường bộ theo đúng hướng tuyến và lộ giới của hồ sơ được duyệt, đồng thời cũng làm cơ sở để cung cấp thông tin quy hoạch cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu. Tuy nhiên do kinh phí hạn hẹp và tình hình kinh tế của huyện còn chưa phát triển nên kinh phí để lập các đồ án quy hoạch chi tiết còn chưa được nhiều, chưa thực hiện bước đưa mốc giới ra ngoài thực địa cũng chưa thực hiện được nên cũng gặp khó khăn trong công tác cấp giấy phép xây dựng, xác định mốc, cốt cao độ của nền công trình dự án khi triển khai xây dựng.

II.7.1. Tồn tại trong định hướng quy hoạch:

Vai trò vị thế chức năng, quy mô đô thị quy hoạch trước đây chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của thị xã trong bối cảnh hiện nay.

- Không gian kiến trúc phát triển đô thị bị hạn chế. Thiếu mối quan hệ liên vùng và liên kết không gian với các đô thị lân cận;

- Cấu trúc không gian đô thị chưa xác định rõ ràng. Hệ thống các cơ sở hạ tầng xã hội còn thiếu và phân bố chưa hợp lý. Kết nối các khu chức năng trong đô thị chưa hợp lý;

- Mạng lưới giao thông đô thị hiện tại đã không còn phù hợp với nhu cầu phát triển đô thị của địa phương, nhiều phương án giao thông không phù hợp với hiện trạng nên việc triển khai không khả thi, thiếu nhiều tuyến đường kết nối theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.

- Còn thiếu các khu chức năng của đô thị loại IV như: tài chính, thương mại, hội nghị, dịch vụ du lịch cao cấp, văn hóa và khu CN-TTCN tạo động lực phát triển cho thị xã.

II.7.2. Tồn tại trong quá trình phát triển đô thị:

Quá trình đô thị hóa và xây dựng hạ tầng chưa theo kịp quá trình phát triển kinh tế xã hội của thị xã Bình Long cũng như của các xã trong huyện Hớn Quản. Khó khăn về nguồn vốn đầu tư phát triển, chưa thu hút và tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài để đầu tư, trong thời gian qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ còn mang tính tự phát, dàn trải thiếu tập trung dẫn đến cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở HTKT còn nhiều hạn chế so với nhu cầu phát triển.

- Còn thiếu nguồn vốn để xây dựng các dự án tạo động lực cho đô thị phát triển. Các khu dân cư mới chưa phát triển.

- Không gian nội thị chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Giao thông đối ngoại đi xuyên qua khu vực Trung tâm đô thị.

- Chưa khai thác được cảnh quan tự nhiên, những giá trị văn hoá truyền thống lịch sử tạo nên nét đặc trưng của đô thị như: mặt nước, hồ, suối, mảng xanh, các trục không gian chính đô thị, quảng trường...

- Việc xây dựng còn mang tính tự phát, chưa thật sự đi vào trật tự chung của thị xã, chưa tạo được bộ mặt kiến trúc đồng bộ.

Trong quá trình phát triển đô thị công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua đã được quan tâm và có nhiều bước tiến rõ rệt, chất lượng môi trường được cải thiện; tổ chức bộ máy, kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, các hoạt động giám sát, quan trắc môi trường, sự tham gia của cộng đồng được tăng cường và đẩy mạnh. Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề đáng quan tâm như ý thức của một bộ phận nhân dân chưa cao, nhận thức chưa đầy đủ về công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ dạng sinh học; kết cấu hạ tầng. Bảo vệ môi trường tuy có đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác tuyên truyền ngày càng mở rộng theo nhiều hình thức song vẫn còn một bộ phận nhân dân chưa xóa bỏ được các thói quen lạc hậu, việc thải chất thải trong sinh hoạt và trong kinh doanh còn tùy tiện, không đúng nơi quy định...

III. CÁC CƠ SỞ LẬP ĐỒ ÁN:

III.1. Các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị

Thị xã Bình Long (mở rộng) sẽ phát triển theo định hướng trở thành đô thị loại IV, đô thị trên trục hành lang kinh tế QL13, là một trục hành lang kinh tế phía Bắc của vùng TP. Hồ Chí Minh.

Nằm tại giao điểm các trục hành lang kinh tế - đô thị vùng và quốc gia. Trong tương lai sẽ có đường cao tốc, đường sắt Xuyên Á kết nối với các vùng trong cả nước và quốc tế. Đô thị phát triển trong mối liên kết vùng đô thị trung tâm của vùng TP. HCM.

Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030 định hướng xây dựng và phát triển thị xã Bình Long theo hướng đô thị bản sắc, sinh thái, văn minh; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực Tây - Tây Bắc của Tỉnh Bình Phước.

Mặt khác, theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021- 2030 thì thị xã Bình Long đến năm 2030 phát triển đô thị sinh thái và các loại hình thương mại, dịch vụ.

Theo định hướng trong đồ án quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 thị xã Bình Long được xác định là trung tâm vùng phía Tây của tỉnh vì vậy hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư.

Để đảm bảo thị xã Bình Long (mở rộng) phát triển theo đúng định hướng của quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2023 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cũng như các định hướng chuyên ngành khác. Địa phương cần phải:

+ Điều chỉnh tính chất và chức năng đô thị: Xây dựng tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược phát triển định hướng đến năm 2030.

+ Làm rõ vị thế, vai trò và mối quan hệ của thị xã Bình Long mở rộng trong vùng tỉnh Bình Phước và vùng Thành phố Hồ Chí Minh để phát triển các chức năng, vai trò của đô thị đã được khẳng định trong vùng.

+ Điều chỉnh công tác dự báo quy mô dân số, đất đai. Mở rộng không gian đô thị, phát triển kinh tế - xã hội theo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho đô thị loại IV, thành phố trực thuộc tỉnh.

+ Điều chỉnh cấu trúc không gian toàn đô thị. Đặc biệt chú trọng tổ chức không gian đô thị theo hướng đô thị xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Bổ sung các khu du lịch sinh thái đặc trưng theo địa hình, trung tâm văn hoá, hội nghị; Bổ sung và đa dạng hóa các loại hình giao thông; Điều chỉnh việc tổ chức các cơ sở sản xuất TTCN, làng nghề truyền thống; Bổ sung cụm công nghiệp tập trung; Bổ sung các khu vực sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao;

Bổ sung thiết kế đô thị tổng thể; Bổ sung đánh giá môi trường chiến lược.

+ Trên địa bàn thị xã tập trung xây dựng nhiều công trình giáo dục nâng cao trình độ dân trí, chất lượng lao động qua đào tạo cũng như đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chuyên môn cao ngày càng được nâng cao.

+ Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần có tầm nhìn dài hạn (đường sắt, đường bộ,...) để liên kết chặt chẽ với các đô thị trong vùng, với các trung tâm đầu mối giao thông lớn của quốc gia, của vùng và của tỉnh (tuyến đường sắt Xuyên Á, đường sắt đi Tây Nguyên, dự án đường cao tốc Tp Hồ Chí Minh – Chơn Thành – Hoa Lư,...).

+ Giải quyết các vấn đề đô thị hóa các xã trong khu vực dự kiến phát triển đô thị tập trung (nội thị) với các xã còn lại trên địa bàn thị xã. Bổ sung các liên kết, các định hướng phát triển giữa khu vực nội thị và ngoại thị, làm cơ sở tạo các khu vực dự trữ phát triển đô thị trong tương lai.

+ Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội cần đảm bảo tính chất, quy mô để hoàn thiện các tiêu chuẩn của thị xã trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn đáp ứng các tiêu chí đạt đô thị loại IV hướng đến trở thành thành phố.

III.2. Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung đô thị

Thị xã Bình Long (mở rộng) là vùng đô thị thương mại dịch vụ đối trọng phía Bắc của vùng TP. HCM. Vùng kinh tế cửa khẩu, vùng công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, vùng bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và du lịch sinh thái rừng.

Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển đô thị theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Xây dựng Bình Phước trở thành tỉnh có kinh tế phát triển toàn diện, xã hội văn minh, môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh, quốc phòng được giữ vững; phấn đấu trở thành tỉnh phát triển mạnh trong khu vực và cả nước.

Các dự án quy hoạch xây dựng đã, đang và sẽ triển khai trên địa bàn gồm: Các dự án chiến lược quốc gia và các quy hoạch chuyên ngành của tỉnh, thị xã. trong đó:

- Các dự án chiến lược quốc gia:

+ Dự án phát triển ngành như dự án đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành – Hoa Lư; đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh - Campuchia (đường sắt Xuyên Á) nối ray tại ga Dĩ An, đường sắt Chơn Thành - Đăk Nông – Buôn Ma Thuột.

+ Dự án khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư.

+ Dự án khu đô thị mới Nam An Lộc.

- Các quy hoạch chuyên ngành của tỉnh, thị xã:

+ Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm

2050.

III.3. Dự báo quy mô đất đai:

Căn cứ theo quy mô dân số đô thị dự báo đạt 200.000 người (đến năm 2030) và 250.000 người (đến năm 2045). Quy mô đất dân dụng cần thiết được dự báo như sau:

+ Dự báo đất đai giai đoạn đến năm 2030:

Cơ bản phù hợp định hướng sử dụng đất của quy hoạch sử dụng đất của Ngành tài nguyên có cập nhật thêm đất xây dựng phục vụ cho sự phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như thương mại dịch vụ và du lịch.

Với quy mô dân số dự kiến là 200.000 người. Nhu cầu dùng đất dân dụng bình quân toàn đô thị khoảng 1.400 -1.600 ha (tối đa đạt 70-80m²/ng), trong đó đất dành cho đơn vị ở: khoảng (600 – 900) ha đạt mật độ đất dành cho đơn vị ở bình quân từ (30 – 45) m²/người.

+ Dự báo đất đai đến năm 2045:

Khi các dự án xây dựng khu trung tâm hành chính mới của thị xã, khu du lịch, và các khu, cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng trên địa bàn thị xã, tốc độ đô thị hóa ở giai đoạn này dự báo sẽ tăng trưởng cao do nhu cầu lao động cao. Dự kiến lượng đất xây dựng tăng trưởng phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội thuộc lĩnh vực công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ quy mô cấp khu vực dự kiến có những mức tăng trưởng khá.

- Với quy mô dân số dự kiến là 250.000 người. Theo đó, nhu cầu sử dụng đất dân dụng bình quân toàn đô thị khoảng 1.500-1.750 ha (tối đa đạt 60-70m²/ng), trong đó đất dành cho đơn vị ở: khoảng (750 – 1.000) ha, đạt mật độ đất dành cho đơn vị ở bình quân từ (30- 40) m²/người; đất dành cho hoạt động sản xuất, công nghiệp khoảng \geq 1.000 ha.

III.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

Tuân thủ theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng và Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đề án phát triển đô thị tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

a) Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Giai đoạn	
			Năm 2030	Năm 2045
1	Dân số	Người	200.000	250.000
2	Loại đô thị	Loại	IV	IV
3	Chỉ tiêu đất dân dụng đô thị	m ² /người	50-80	50-80
4	Chỉ tiêu đất đơn vị ở bình quân	m ² /người	28-45	28-45
5	Chỉ tiêu đất cây xanh đô thị			
5.1	Cây xanh cấp đô thị	m ² /người	≥ 5	≥ 5
5.2	Cây xanh cấp đơn vị ở	m ² /người	≥ 2	≥ 2

Chỉ tiêu đất cây xanh đô thị tuân thủ theo QCVN 01 : 2021/BXD. Nhưng tổng chỉ tiêu cây xanh toàn đô thị (bao gồm cả cây xanh cấp đơn vị ở) phải đảm bảo ≥ 8 m²/người.

b) Quy mô tối thiểu của các công trình dịch vụ - công cộng đô thị:

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A. Giáo dục				
1. Trường trung học phổ thông	học sinh /1.000 người	40	m ² /1 học sinh	10
B. Y tế				
2. Bệnh viện đa khoa	giường/1.000 người	4	m ² /giường bệnh	100
C. Văn hóa - Thể dục thể thao				
3. Sân thể thao cơ bản			m ² /người	0,6
			ha/công trình	1,0
4. Sân vận động			m ² /người	0,8
			ha/công trình	2,5
5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao			m ² /người	0,8
			ha/công trình	3,0
6. Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	chỗ/ 1 000 người	8	ha/công trình	0,5
7. Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	chỗ/ 1 000 người	2	ha/công trình	1,0
D. Thương mại				
8. Chợ	công trình	1	ha/công trình	1,0

CHÚ THÍCH 1: Các khu vực có quy mô dân số ≥ 20 000 người phải bố trí ít nhất một trường trung học phổ thông;

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
CHÚ THÍCH 2: Khuyến khích bố trí kết hợp các thiết chế văn hóa - thể dục thể thao trong một công trình hoặc cụm công trình. Quy mô các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị khác (bể bơi, thư viện, bảo tàng, rạp xiếc, rạp chiếu phim, nhà hát...) được tính toán phù hợp với nhu cầu của từng đô thị.				

c) Quy mô tối thiểu của các công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A. Giáo dục				
1. Trường mầm non	cháu/1.000 người	50	m ² /1 cháu	12
2. Trường tiểu học	học sinh /1.000 người	65	m ² /1 học sinh	10
3. Trường trung học cơ sở	học sinh /1.000 người	55	m ² /1 học sinh	10
B. Y tế				
4. Trạm y tế	trạm	1	m ² /trạm	500
C. Văn hóa - Thể dục thể thao				
5. Sân chơi			m ² /người	0,5
6. Sân luyện tập			m ² /người ha/công trình	0,5 0,3
7. Trung tâm Văn hóa - Thể thao	công trình	1	m ² /công trình	5.000
D. Thương mại				
8. Chợ	công trình	1	m ² /công trình	2.000
CHÚ THÍCH 1: Các đô thị miền núi, khu vực trung tâm các đô thị có quỹ đất hạn chế cho phép áp dụng chỉ tiêu sử dụng đất trung tâm văn hóa - thể thao tối thiểu là 2500 m ² /công trình.				
CHÚ THÍCH 2: Các công trình văn hóa - thể dục thể thao có thể bố trí kết hợp với đất cây xanh sử dụng công cộng.				

d) Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

STT	Hệ thống HTKT	Đơn vị	Chỉ tiêu
1	Đất giao thông, bãi xe		
	- Tỷ lệ đất giao thông (tính đến đường khu vực)	%	≥ 13
	- Chỉ tiêu bãi đỗ xe toàn đô thị	m ² /người	≥ 4

2	Cấp nước		
	- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đô thị	lít/người/ngđ	100÷150
	- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt nông thôn	lít/người/ngđ	≥ 60
	- Chỉ tiêu cấp nước công nghiệp	m ³ /ha/ngđ	≥ 20
	- Tỷ lệ thất thoát nước	%	10÷15
	- Tỷ lệ cấp nước	%	100
	- Cấp nước chữa cháy tính toán phù hợp với quy mô đô thị theo quy định tại QCVN 06:2020/BXD		
3	Thoát nước thải		
	- Sinh hoạt	% lượng nước cấp	100
	- Công nghiệp	% lượng nước cấp	80
	- Công cộng – dịch vụ	% lượng nước cấp	80
4	Thu gom Chất thải rắn		
	- Sinh hoạt	kg/người.ngày	≥ 0,9
	- Công nghiệp	tấn/ha	≥ 0,3
5	Cấp điện		
	- Sinh hoạt đô thị	kWh/người/năm	750-1.500
	- Sinh hoạt nông thôn	W/người	≥ 150
	- Công trình công cộng	% điện sinh hoạt	35
	- Công nghiệp	kW/ha	140 - 350
	- Kho tàng	kW/ha	50
	- Nông nghiệp	kW/ha	20
6	Thông tin liên lạc		
	Điện thoại cố định và di động	thuê bao/100 dân	113
	Số thuê bao internet băng thông rộng di động	Số thuê bao/100 dân	80 ÷ 100

IV. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ:

IV.1. Hướng phát triển đô thị:

- Hình thành đô thị Bình Long mở rộng theo mô hình kiểu chùm đô thị: có trung tâm đô thị chính ở trung tâm và các trung tâm đô thị phụ trợ quanh trung tâm chính, các đô thị phụ trợ liên kết chặt chẽ với nhau và đều hướng liên kết về trung tâm đô thị. Cụ thể:

+ Trung tâm chính của đô thị là khu vực nội thị hiện hữu của thị xã Bình Long và huyện Hớn Quản (gồm 5 phường hiện hữu (4 phường của thị xã Bình Long và 1 thị trấn của huyện Hớn Quản) và 2 phường mới hình thành trước năm 2025).

+ Các tiêu trung tâm là 3 xã (gồm xã Thanh An, Tân Lợi, Tân Hưng) được định hướng phát triển theo hình thái đô thị có chức năng hỗn hợp chủ yếu về thương mại dịch vụ hỗn hợp. Các trung tâm này kết nối với trung tâm chính của đô thị tạo nên mối quan hệ tương hỗ phục vụ cho khu đô thị phía Đôn và trung tâm cụm xã (An Phú, Minh Tâm, Minh Đức) tại xã Minh Tâm làm trung tâm tương hỗ về phía tây của đô thị và liên kết với trung tâm đô thị, thị xã Bình Long mở rộng (BLMR).

- Các khu vực còn lại có định hướng phát triển theo hình thái xã nông thôn gắn liền với điều kiện sản xuất nông, lâm nghiệp là chủ yếu nhưng được xen cài các khu chức năng công nghiệp nhỏ dạng cụm công nghiệp, mỏ khai khoáng... phân tán gắn liền với đặc điểm vị trí mỏ khai khoáng và quy mô sản xuất nông lâm nghiệp liên quan.

IV.2. Không gian kiến trúc cảnh quan toàn đô thị, khu nội thị, ngoại thị:

- Hình thái đô thị và nông thôn của thị xã Bình Long mở rộng được phát triển phân vùng khá rõ nét gắn liền với điều kiện hoạt động kinh tế xã hội của khu vực theo lĩnh vực ngành. Theo đó, không gian kiến trúc cảnh quan:

+ Đối với khu trung tâm đô thị và các khu vực phường nội thị và các khu vực phát triển đô thị (sau này cũng sẽ thành các phường nội thị) có dân cư (nhà ở dạng riêng lẻ theo phố thị) phát triển gắn liền xen cài cùng với hệ thống công trình kiến trúc hạ tầng xã hội cấp đô thị tại khu trung tâm, dọc quốc lộ 13 và cấp đơn vị ở đô thị theo từng trung tâm đơn vị hành chính (phường, khu đô thị).

+ Đối với các xã nông thôn kiến trúc cảnh quan phát triển theo hình thái cảnh quan kiến trúc xã nông thôn, với trung tâm xã là nơi tập trung các trụ sở cơ quan nhà nước, các công trình hạ tầng xã hội, trung tâm mua bán với hình thức chợ nhỏ gắn liền với các khu dân cư tập trung quanh khu trung tâm, còn lại là các thôn, xóm nhà ở dạng nhà vườn riêng lẻ, phát triển theo từng điểm (cụm) gắn liền với vùng sản xuất nông, lâm nghiệp và các nhà máy công nghiệp chế biến nhỏ.

- Khu vực nội thị (dự kiến thành lập phường) có tổng diện tích tự nhiên 128,02 km², bao gồm 7 đơn vị hành chính gồm: phường Hưng Chiến, phường An Lộc, phường Phú Thịnh, phường Phú Đức, phường Thanh Phú (thuộc thị xã Bình Long), phường Tân Khai và phường Thanh Bình (thuộc huyện Hớn Quản). Theo đó, quy mô dân số tại khu vực nội thị qua từng giai đoạn là:

- + Đến năm 2025: khu vực nội thị sẽ có khoảng 83.500 người;
- + Đến năm 2030: khu vực nội thị sẽ có khoảng 92.900 người;
- + Đến năm 2045, khu vực nội thị sẽ có khoảng 116.000 người.

- Khu vực ngoại thị có tổng diện tích khoảng 514,67 km², bao gồm 9 đơn vị hành chính gồm: xã Thanh Lương (thuộc thị xã Bình Long), xã Thanh An, xã An Khương, xã Tân Lợi, xã Tân Hưng, xã Phước An, xã An Phú, xã Minh Tâm và xã Minh Đức (thuộc huyện Hớn Quản). Theo đó, dân số tại khu vực ngoại thị

qua từng giai đoạn là:

- + Đến năm 2025, khu vực ngoại thị sẽ có khoảng 96.500 người;
- + Đến năm 2030, khu vực ngoại thị sẽ có khoảng 107.200 người;
- + Đến năm 2045, khu vực ngoại thị sẽ có khoảng 134.000 người.

IV.3. Định hướng phát triển dân cư:

- Hình thái đô thị và nông thôn của thị xã Bình Long mở rộng được phát triển phân vùng khá Dân cư tại các khu trung tâm xã không ngừng hoàn chỉnh, phù hợp với giai đoạn phát triển mới.

- Khu dân cư tập trung, các công trình công cộng, thương mại, dịch vụ được đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được mở rộng... đã nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện dân sinh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng ở phần lớn chậm so với phát triển kinh tế xã hội.

- Việc định hướng không gian đô thị cần được quan tâm thực hiện phù hợp với mức độ tăng trưởng dân số.

IV.4. Định hướng phát triển các khu chức năng:

Định hướng đến năm 2045 đẩy mạnh phát triển sản xuất ngành công nghiệp, cụ thể:

a) Các phân vùng không gian phát triển trong đô thị:

- Toàn đô thị được phân chia các khu chức năng nhằm khai thác có hiệu quả giá trị đất đai đô thị, đồng thời khai thác các địa thế về vị trí cũng như địa thế về kinh tế, văn hóa - xã hội nhằm tạo lập các vùng không gian đô thị hiện đại, đa dạng và hài hòa với không gian toàn đô thị.

- Các vùng không gian đô thị được phân chia thành các khu chức năng phục vụ đô thị, trong đó bao gồm các khu vực dân cư đô thị, hệ thống các công trình công cộng cũng như mạng lưới công viên cây xanh trong các khu vực dân cư và hệ thống công viên đô thị. Theo đó, các vùng không gian đô thị được định hướng phát triển cụ thể như sau:

* Vùng phát triển đô thị:

- Các khu vực phát triển dân cư đô thị có tổng quy mô khoảng 204,56 ha bao gồm 3 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Hớn Quản là xã Tân Lợi, xã Thanh An và xã Thanh Hưng. Định hướng phát triển các khu dân cư đô thị gắn với các khu dân cư trung tâm đô thị Bình Long, phát triển mạnh về hướng Đông của thị xã Bình Long mở rộng, gắn với các không gian thương mại dịch vụ làm cầu nối cho khu vực trung tâm.

- Các hình thái phát triển của vùng này bao gồm các không gian đô thị mới, gắn với các hoạt động dịch vụ phục vụ cho toàn vùng với các không gian nông nghiệp, thương mại theo trục nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho vùng

cũng như toàn đô thị Bình Long mở rộng.

- Không gian các khu dân cư đô thị mới được định hướng phát triển các loại hình nhà ở mới hiện đại, kết hợp với các loại hình dịch vụ hỗn hợp trong các khu nhà ở dọc các tuyến đường giao thông khung như: đường tỉnh 756, đường tỉnh 757, đường tỉnh 758, đường huyện Tân Lợi – Tân Quan, đường huyện Long Tân – Tân Hưng, đường huyện Tân Hưng – Thanh An,... và các tuyến đường giao thông quan trọng khác trên địa bàn vùng phát triển đô thị.

- Các không gian công cộng kết hợp hài hòa với các công viên cây xanh sử dụng công cộng được bố trí xen cài trong các khu vực dân cư đông đúc nhằm tạo sự đa dạng về không gian ở, không gian mở cũng như gắn kết các không gian xanh nông nghiệp. Theo đó, hình thành vùng không gian đô thị mới khang trang, hiện đại và đầy đủ về hệ thống hạ tầng xã hội.

- Không gian các khu vực nông nghiệp chú trọng phát triển các loại cây trồng lâu năm, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh về hình thức nông nghiệp thuần nông với các khu vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đa dạng hóa các loại hình nông nghiệp. Bên cạnh đó, mảng xanh nông nghiệp trải rộng tạo thành các vùng xanh đặc trưng cho vùng nói riêng và cho toàn đô thị Bình Long nói chung.

- Các khu vực hỗn hợp, thương mại dịch vụ chủ yếu phát triển các loại hình dịch vụ dọc tuyến đường kết nối khu vực trung tâm đô thị với các khu vực trung tâm đô thị mới. Theo đó, định hướng phát triển không gian dọc tuyến đường nối vùng trung tâm đô thị tới trung tâm đô thị tại Tân Hưng nhằm tạo trục động lực phát triển cho vùng.

* Vùng phát triển dân cư nông thôn:

- Vùng phát triển điểm dân cư nông thôn có tổng quy mô khoảng 310,11 ha, gồm các khu vực xã nông thôn là: xã Phước An, xã An Khương, xã Minh Đức, xã Minh Tâm, xã An Phú (thuộc huyện Hớn Quản) và xã Thanh Lương thuộc thị xã Bình Long.

- Định hướng phát triển vùng nông thôn là các khu điểm dân cư kết hợp với các hoạt động dịch vụ nhỏ, hoạt động nông nghiệp xen cài trong các khu dân cư nông thôn, bên cạnh đó là không gian các khu vực công cộng trong khu dân cư nhằm tạo lập các khu dân cư nông thôn hiện đại, có đủ hệ thống hạ tầng cơ sở.

- Các không gian điểm dân cư chủ yếu phát triển dọc các tuyến đường giao thông chính như: đường tỉnh 757, đường tỉnh 752, đường tỉnh 752C, đường huyện Minh Đức – Đông Nơ, đường huyện An Phú – Minh Tâm,... và các tuyến đường nội đồng khác trên địa bàn các xã nông thôn.

- Các điểm dân cư được định hướng phát triển mạnh tại khu vực trung tâm xã, với hệ thống hạ tầng xã hội đầy đủ nhằm tạo lập không gian ở tiện nghi cho người dân. Bên cạnh đó, phát triển xây dựng các loại hình nhà cửa với hình thức hiện đại, khang trang kết hợp với không gian nông nghiệp xen cài tạo sự hài hòa cho các điểm dân cư nông thôn.

- Bên cạnh đó là các không gian nông nghiệp, không gian mặt nước các con suối, mặt hồ thủy lợi được khai thác làm nơi phát triển các khu du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng nhằm khai thác triệt để giá trị đất đai cũng như mỹ quan đặc trưng của vùng, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Các khu vực phát triển công nghiệp được bố trí nằm cách xa các khu dân cư, khu chức năng dịch vụ đô thị nhằm đảm bảo khoảng cách ly an toàn. Đồng thời bố trí các mảng xanh cách ly với các khu chức năng lân cận.

IV.5. Cơ cấu sử dụng đất theo chức năng:

a) Cơ cấu sử dụng đất đến năm 2025:

- Phát triển đồng đều khu vực các phường Hưng Chiến, An Lộc, Phú Thịnh, Phú Đức, Thanh Phú, Thanh Bình và Tân Khai, trong đó ưu tiên các khu vực cửa ngõ phía Bắc và phía Nam. Theo đó cơ cấu đất phân bổ như sau:

- + Đất dân dụng: 2.585,18 ha chiếm khoảng 4,02%;
- + Đất ngoài dân dụng: 10.516,42 ha chiếm 16,36%;
- + Đất nông nghiệp và chức năng khác: 51.167,02 ha, chiếm 79,61%.

b) Cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030:

- Tập trung phát triển đồng đều khu vực các phường Hưng Chiến, An Lộc, Phú Thịnh, Phú Đức, Thanh Phú, Thanh Bình và Tân Khai, trong đó ưu tiên các khu vực cửa ngõ phía Bắc và phía Nam, hình thành các khu dân cư mới tại các xã Tân Lợi, Thanh An và Tân Hưng. Theo đó cơ cấu đất phân bổ như sau:

- + Đất dân dụng: 2.932,32 ha chiếm khoảng 4,56%;
- + Đất ngoài dân dụng: 14.998,48 ha chiếm 23,34%;
- + Đất nông nghiệp và chức năng khác: 46.337,83 ha, chiếm 72,10%.

c) Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045:

- Phát triển đồng đều khu vực các phường Hưng Chiến, An Lộc, Phú Thịnh, Phú Đức, Thanh Phú, Thanh Bình và Tân Khai, trong đó ưu tiên các khu vực cửa ngõ phía Bắc và phía Nam, hình thành các khu dân cư mới tại các xã Tân Lợi, Thanh An và Tân Hưng. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu dân cư nông thôn thuộc các xã An Phú, Minh Tâm, Minh Đức, Phước An, An Khương và Thanh Lương. Theo đó cơ cấu đất phân bổ như sau:

- + Đất dân dụng: 3.466,13 ha, chiếm 5,39%;
- + Đất ngoài dân dụng: 16.308,94 ha, chiếm 25,38%;
- + Đất nông nghiệp và chức năng khác: 44.493,56 ha, chiếm 69,23%.

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất thị xã Bình Long (mở rộng)

ST T	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	Năm 2025		Năm 2030		Năm 2045	
		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT DÂN DỤNG	2.585,18	4,02	2.932,32	4,56	3.466,13	5,39
1	Đất đơn vị ở	1.230,00	1,91	1.419,18	2,21	1.707,00	2,66
	<i>Đất nhóm ở</i>	<i>973,30</i>	<i>1,51</i>	<i>1.131,32</i>	<i>1,76</i>	<i>1.359,13</i>	<i>2,11</i>
	<i>Đất CTCC đơn vị ở</i>	<i>101,45</i>	<i>0,16</i>	<i>103,62</i>	<i>0,16</i>	<i>103,62</i>	<i>0,16</i>
	<i>Giáo dục</i>	<i>48,94</i>	<i>0,08</i>	<i>48,94</i>	<i>0,08</i>	<i>48,94</i>	<i>0,08</i>
	<i>Y tế</i>	<i>17,64</i>	<i>0,03</i>	<i>17,64</i>	<i>0,03</i>	<i>17,64</i>	<i>0,03</i>
	<i>Văn hóa - thể dục thể thao</i>	<i>29,57</i>	<i>0,05</i>	<i>29,57</i>	<i>0,05</i>	<i>29,57</i>	<i>0,05</i>
	<i>Thương mại dịch vụ</i>	<i>5,30</i>	<i>0,01</i>	<i>7,47</i>	<i>0,01</i>	<i>7,47</i>	<i>0,01</i>
	<i>Đất cây xanh đơn vị ở</i>	<i>36,00</i>	<i>0,06</i>	<i>40,00</i>	<i>0,06</i>	<i>50,00</i>	<i>0,08</i>
	<i>Đất giao thông đơn vị ở</i>	<i>119,25</i>	<i>0,19</i>	<i>144,25</i>	<i>0,22</i>	<i>194,25</i>	<i>0,30</i>
2	Đất hỗn hợp	20,00	0,03	50,00	0,08	130,00	0,20
3	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	233,33	0,36	309,01	0,48	390,01	0,61
	<i>Giáo dục</i>	<i>48,94</i>	<i>0,08</i>	<i>48,94</i>	<i>0,08</i>	<i>48,94</i>	<i>0,08</i>
	<i>Y tế</i>	<i>17,64</i>	<i>0,03</i>	<i>17,64</i>	<i>0,03</i>	<i>17,64</i>	<i>0,03</i>
	<i>Văn hóa - thể dục thể thao</i>	<i>41,10</i>	<i>0,06</i>	<i>45,50</i>	<i>0,07</i>	<i>56,50</i>	<i>0,09</i>
	<i>Thương mại dịch vụ</i>	<i>80,91</i>	<i>0,13</i>	<i>140,53</i>	<i>0,22</i>	<i>190,53</i>	<i>0,30</i>
	<i>Dịch vụ công cộng khác</i>	<i>44,74</i>	<i>0,07</i>	<i>56,40</i>	<i>0,09</i>	<i>76,40</i>	<i>0,12</i>
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	44,98	0,07	49,24	0,08	49,24	0,08
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	90,00	0,14	100,00	0,16	125,00	0,19
6	Đất giao thông đô thị	437,01	0,68	467,01	0,73	507,01	0,79
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	529,87	0,82	537,87	0,84	557,87	0,87
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	10.516,42	16,36	14.998,48	23,34	16.308,94	25,38
1	Đất sản xuất công nghiệp	3.192,92	4,97	5.294,63	8,24	5.794,63	9,02
2	Đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	0,00	0,00	1,02	0,00	1,02	0,00
4	Đất trung tâm y tế	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6	Đất dịch vụ, du lịch	10,00	0,02	16,00	0,02	16,00	0,02
7	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	30,00	0,05	0,00	0,00	0,00	0,00
8	Đất xây xanh chuyên dụng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
9	Đất di tích, tôn giáo	46,86	0,07	61,95	0,10	61,95	0,10
10	Đất điểm dân cư nông thôn	2.700,00	4,20	3.189,54	4,96	3.750,00	5,83
11	Đất an ninh	1.083,91	1,69	1.088,13	1,69	1.088,13	1,69

12	Đất quốc phòng	588,95	0,92	937,73	1,46	937,73	1,46
13	Đất giao thông đối ngoại	2.063,78	3,21	2.932,43	4,56	2.982,43	4,64
14	Đất hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	800,00	1,24	1.477,06	2,30	1.677,06	2,61
III	ĐẤT NN VÀ CHỨC NĂNG KHÁC	51.167,02	79,61	46.337,83	72,10	44.493,56	69,23
1	Đất sản xuất nông nghiệp	48.008,69	74,70	44.995,15	70,01	43.150,88	67,14
2	Đất lâm nghiệp	1.748,97	2,72	0,00	0,00	0,00	0,00
	<i>Đất rừng sản xuất</i>	<i>1.646,21</i>	<i>2,56</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất rừng phòng hộ</i>	<i>102,76</i>	<i>0,16</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất rừng đặc dụng</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
3	Đất nuôi trồng thủy sản	57,94	0,09	66,79	0,10	66,79	0,10
4	Đất chưa sử dụng	7,13	0,01	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Hồ, ao, đầm	353,40	0,55	362,67	0,56	362,67	0,56
6	Sông, suối, kênh, rạch	990,88	1,54	913,22	1,42	913,22	1,42
7	Mặt nước ven biển	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
TỔNG CỘNG		64.268,63	100,00	64.268,63	100,00	64.268,63	100,00

V. THIẾT KẾ ĐÔ THỊ:

V.1. Đối với các công trình công cộng:

- Các công trình dịch vụ có quy mô lớn có thể đứng độc lập để tạo nét kiến trúc hiện đại cho các trục phố. Tại khu vực các giao lộ lớn, cần ưu tiên bố trí các công trình có quy mô lớn và chiều cao tạo điểm nhấn cho đô thị như các siêu thị, cao ốc văn phòng, nhà hàng, khách sạn,...

- Trung tâm các khu ở lấy trung tâm thương mại và dịch vụ làm hạt nhân.

- Về tầng cao và mật độ xây dựng:

+ Công trình hành chính - chính trị, trụ sở cơ quan:

• Tầng cao xây dựng : 4-6 tầng.

• Mật độ xây dựng : 40%.

+ Hệ thống các công trình trung tâm thương mại dịch vụ, hợp tác xã:

• Tầng cao xây dựng : 1-9 tầng.

• Mật độ xây dựng : 30-50%.

• Tỷ lệ cây xanh : >20%.

• Bãi đỗ xe : >10%.

+ Hệ thống công trình giáo dục - đào tạo, cơ sở giáo dục đô thị:

• Tầng cao trung bình : 1-5 tầng.

• Mật độ xây dựng : 30-40%.

• Tỷ lệ cây xanh : >20%.

• Bãi đỗ xe : >10%.

+ Hệ thống công trình y tế, cơ sở điều trị bệnh:

• Tầng cao trung bình : 3-7 tầng.

• Mật độ xây dựng : 40%.

• Tỷ lệ cây xanh : >25%.

V.2. Đối với quảng trường, công viên cây xanh, không gian ven suối:

- Các khu vực quảng trường trước trụ sở các cơ quan cần bố trí cây xanh, lối đi, mặt nước nhằm tôn thêm bộ mặt kiến trúc của công trình.

- Các khu công viên cây xanh cần bố trí nhiều cổng vào để người dân có thể tiếp cận từ nhiều phía.

- Mật độ xây dựng trong công viên $\leq 5\%$, các công trình kiến trúc cần có sự phong phú tùy theo tính chất từng khu chức năng.

- Không gian cảnh quan ven sông Cần Chông cần được khai thác phục vụ cho cảnh quan chung của đô thị và phát triển thương mại dịch vụ, đặc biệt là phục vụ du lịch.

- Đối với khu công viên kết hợp công trình văn hóa thể thao thì mật độ xây dựng toàn khu $\leq 25\%$.

V.3. Tổ chức không gian trên các trục đường cảnh quan:

- Công trình kiến trúc đô thị xây mới tại các lô đất có góc tạo bởi các cạnh đường phố giao nhau phải đảm bảo không cản trở tầm nhìn, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho người tham gia giao thông.

- Tại vị trí các vòng xoay tại các nút giao thông đề xuất bố trí cây xanh trang trí kết hợp vòi phun nước và các yếu tố cảnh quan khác.

V.4. Đối với các khu nhà ở:

- Trong các khu nhà ở cần phối hợp hài hòa giữa các loại hình nhà ở, tùy theo vị trí, chức năng, tầng cao của mỗi loại hình nhà.

- Đối với khu nhà ở cao tầng (căn hộ): các công trình có thể xây dựng với tầng cao từ 8-12 tầng tùy từng trục đường.

- Đối với các khu nhà liên kế phố: có thể kết hợp dịch vụ trên một số tuyến đường cần có khoảng lùi phía trước và sau khoảng 2-3m, tầng cao trung bình 3-5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 90%.

- Đối với các khu nhà mật độ thấp (nhà vườn, biệt thự): giao thông hạn chế xuyên cắt, tầng cao 2-3 tầng, mật độ xây dựng 30-50%.

V.4. Đối với khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất tập trung phi nông nghiệp:

- Tỷ lệ xây dựng công trình trong các lô đất công nghiệp:

+ Xây dựng 1 tầng: tối đa diện tích tầng trệt $< 70\%$ diện tích được giao.

+ Xây dựng 2 -3 tầng: tối đa diện tích tầng trệt $< 60\%$ diện tích được giao.

Xây dựng 4 - 5 tầng: tối đa diện tích tầng trệt $< 50\%$ diện tích được giao.

- Chỉ giới xây dựng các công trình có khoảng lùi tối thiểu tính từ chỉ giới đường đỏ là 7-10m để tạo mảng xanh sân vườn phía trước nhà máy.

- Tỷ lệ cây xanh trong các nhà máy phải đạt tối thiểu 20% tổng diện tích.

VI. GIẢI PHÁP HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Nguồn cung cấp, vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới chính của hạ tầng kỹ thuật đô thị:

VI.1. Giao thông:

- Cao tốc TP.Hồ Chí Minh – Chơn Thành – Hoa Lư (CT.30): là tuyến đường cao tốc định hướng quy hoạch mới, kết nối giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Phước, đồng thời tăng cường thông thương với khu vực biên giới Campuchia; đi qua khu vực phía Đông thị xã Bình Long mở rộng, tạo nên cơ hội lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Cao tốc được định hướng thiết kế đạt cấp kỹ thuật 100, với quy mô 6 làn xe, lộ giới 142m.

- Đường hàng không: quy hoạch sân bay chuyên dùng Technic, tại khu vực phía Tây Cao Tốc TP.Hồ Chí Minh – Chơn Thành – Hoa Lư

- Đường sắt: đầu tư tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh.

- Quốc lộ 13 là tuyến đường giao thông đối ngoại hiện hữu, đi theo hướng Bắc Nam của khu vực thị xã Bình Long mở rộng, kết nối thị xã với cửa khẩu Hoa Lư, huyện Lộc Ninh, huyện Chơn Thành; cũng như với tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc lộ 13 được định hướng quy hoạch đạt cấp II-III, với quy mô 4-6 làn xe, lộ giới 32-110m.

- Quốc lộ 14C đi qua khu vực phía Tây thị xã Bình Long mở rộng được định hướng nối dài từ tuyến Quốc lộ 14C hiện hữu thông qua nâng cấp các tuyến đường giao thông (đường nối xã Lộc Tấn – ĐT.752, ĐT.752 đoạn kết nối với tỉnh Tây Ninh). Tuyến đường kết nối thị xã Bình Long với tỉnh Đắk Nông ở phía Đông và tỉnh Tây Ninh ở phía Tây, được quy hoạch đạt cấp III, với quy mô 2-4 làn xe, lộ giới 60m

- Định hướng quy hoạch 2 tuyến đường tránh: đường tránh Hớn Quản – Bình Long phía Tây Quốc lộ 13 và đường tránh phía Đông Quốc lộ 13, có chức năng giảm tải lưu lượng giao thông trên Quốc lộ 13 hiện hữu, hạn chế xe tải trọng lớn đi qua khu vực đông dân cư tại trung tâm thị xã Bình Long. Hai tuyến tránh được quy hoạch đạt cấp III, quy mô 4-6 làn xe, lộ giới 57m.

- Trên địa bàn thị xã Bình Long mở rộng được định hướng phát triển hệ thống Đường Tỉnh nối kết các trục giao thông cấp Quốc gia, được nâng cấp đạt cấp III, quy mô 4-6 làn xe, lộ giới quy hoạch 42÷60m, đoạn qua nội thị bố trí vỉa hè đi bộ, tiếp cận vào công trình.cụ thể như sau:

+ Nâng cấp các tuyến Đường Tỉnh hiện hữu: ĐT.752, ĐT.756, ĐT. 756C, ĐT.757, ĐT.758, được quy hoạch đạt cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

+ Các tuyến đường Tỉnh đường nâng cấp từ đường Huyện và các tuyến Đường Tỉnh mở mới: ĐT.752B, ĐT.752C (Xa Cát – Minh Đức), ĐT.756, ĐT. Tân Hiệp - Tân Khai – Nha Bích, ĐT. Chơn Thành – Hoa Lư, ĐT. Long Tân – Tân Hưng: được quy hoạch đạt cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- Các tuyến đường huyện cần được đầu tư nâng cấp để tăng cường khả

năng tiếp cận thị xã, đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005. Kết cấu mặt đường láng nhựa hoặc bê tông xi măng, lộ giới quy hoạch 32m.

- Hệ thống giao thông đô thị đảm bảo tỷ lệ diện tích đất giao thông tính đến cấp đường khu vực đạt bình quân từ $\geq 16\%$ so với quỹ đất xây dựng đô thị, hiện đại hóa mạng lưới đường nội thị gắn với chỉnh trang đô thị, kết hợp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm.

- Hệ thống đường liên khu vực kết nối khu vực nội thị với các khu, cụm công nghiệp ở phía Tây và khu vực phát triển đô thị ở phía Đông, lộ giới quy hoạch $22 \div 42\text{m}$.

- Hệ thống đường chính khu vực, kết nối các phân khu chức năng với nhau với hệ thống giao thông chính, lộ giới tối thiểu 16m.

- Tăng cường tỷ lệ bê tông hoá và nhựa hoá các tuyến giao thông ngoại thị: Mục tiêu tỷ lệ nhựa hoá đến năm 2025 là 80%, đạt 100% vào năm 2030.

- Các tuyến đường nội thị tuân thủ lộ giới quản lý, thuận lợi giải phóng mặt bằng trong quá trình đầu tư xây dựng.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: $3 \div \geq 5\%$, chủ yếu là hệ thống xe buýt, xe khách và taxi hoạt động trong huyện.

- Bến xe Bình Long: di dời bến xe ra khu vực mới, trên Quốc lộ 13, quy hoạch đạt tiêu chuẩn loại 3, quy mô khoảng 3ha, tích hợp các dịch vụ tiện ích phục vụ hành khách sử dụng bến.

- Bên cạnh đó, trong cái khu vực nội thị bố trí các bến bãi đậu xe công cộng, đảm bảo diện tích bến bãi toàn đô thị đảm bảo chỉ tiêu $4,0\text{m}^2/\text{người}$ QCVN 01:2021/BXD, với diện tích khoảng 100ha.

- Giao thông đường thủy:

- Sông Sài Gòn và hồ Dầu Tiếng ở phía Tây là các tuyến đường thủy chính của khu vực quy hoạch.

- Định hướng bến tàu Du Lịch trên hồ Dầu Tiếng tại địa bàn xã Minh Đức, tạo điều kiện phát triển ngành du lịch cho khu vực quy hoạch.

Bảng thống kê hệ thống giao thông

TT	TÊN ĐƯỜNG	Điểm đầu	Điểm cuối	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG						TỔNG
						KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG	HLBV+ TALUY/ ĐƯỜNG SONG HÀNH		
							trái	phải		trái	phải	
m	m	m	m	m	m	m	m	m	m ²			
A	ĐƯỜNG CHÍNH ĐÔ HỊ											
I	Quốc lộ			40.429								2.542.762
1	Quốc lộ 13	Ranh phía Bắc	Đường Nguyễn Thái Học	9166	57	C-C	2	2	12-3-12	13	13	522.462
		Đường Nguyễn Thái Học	Đường Lê Đại Hành	3000	32-64	D-D	3,5-19,5	3,5-19,5	12,5-1-12,5	-	-	192.000
		Đường Lê Đại Hành	Ranh Hón Quán	3313	100-110	B-B	22	22	12-10-12	11-16	11-16	331.300
		Ranh Hón Quán	Ranh Chơn Thành	11050	60	E-E	6	6	8-2,5-12-3-12-2,5-8			663.000
		Đoạn qua nội thị			60	F-F	2	2	27	14,5	14,5	
2	Quốc lộ 14C	Ranh huyện Lộc Ninh	Ranh Tỉnh Tây Ninh	13900	60	F-F	2	2	27	14,5	14,5	834.000
I	Đường tỉnh			178.301,0								6.652.554,0
1	ĐT.752	Đường An Phú - Minh Đức	Quốc lộ 14C	10.099,0	42,0	2-2	2,5	2,5	7,0	15,0	15,0	424.158,0
2	ĐT.752	Đường Đoàn Thị	Đường An Phú - Minh Đức	5.626,0	42,0	2A-2A	6,0	6,0	12,5-5-12,5	-	-	

TT	TÊN ĐƯỜNG	Điểm đầu	Điểm cuối	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG						TỔNG
						KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG	HLBV+ TALUY/ ĐƯỜNG SONG HÀNH		
							trái	phải		trái	phải	
				m	m		m	m	m	m	m	m ²
		Điểm										
3	ĐT.752 (Đường Phan Bội Châu)	Quốc lộ 13	Đường Đoàn Thị Điểm	667,0	32,0	5-5	10,0	10,0	12,0	-	-	
4	ĐT. Chơn Thành - Hoa Lư	Quốc lộ 14C	ĐT.756C	9.292,0	60	F-F	2	2	27	14,5	14,5	557.520,0
6	ĐT. 752C	Quốc lộ 13	Đường tránh Bình Long - Hớn Quản	2.584,0	42,0	2A-2A	6,0	6,0	12,5-5-12,5	-	-	108.528,0
7	ĐT. 752C	Đường tránh Bình Long - Hớn Quản	Quốc lộ 14C	13.920,0	42,0	2-2	2,5	2,5	7,0	15,0	15,0	
8	ĐT. 756	Ranh huyện Lộc Ninh	Ranh Chơn Thành	25.623,0	42,0	2-2	2,5	2,5	7,0	15,0	15,0	1.076.166,0
9	ĐT. 756C	Ranh Chơn Thành	ĐT. 756B	8.050,0	42,0	2A-2A	6,0	6,0	12,5-5-12,5	-	-	338.100,0
10	ĐT. 757	Quốc lộ 13	Ranh huyện Phú Riềng	20.140,0	42,0	2-2	2,5	2,5	7,0	15,0	15,0	845.880,0
11	ĐT. 758	Quốc lộ 13	Đường Phú Đức - Tân Lợi	3.297,0	42,0	2A-2A	6,0	6,0	12,5-5-12,5	-	-	138.474,0

TT	TÊN ĐƯỜNG	Điểm đầu	Điểm cuối	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG						TỔNG
						KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG	HLBV+ TALUY/ ĐƯỜNG SONG HÀNH		
							trái	phải		trái	phải	
m	m	m	m	m	m ²							
12	ĐT. 758	Đường Phú Đức - Tân Lợi	Ranh huyện Đồng Phú	17.369,0	42,0	2-2	2,5	2,5	7,0	15,0	15,0	
13	ĐT. Long Tân - Tân Hưng	ĐT. 758	Ranh huyện Phú Riềng	9.720,0	42,0	2-2	2,5	2,5	7,0	15,0	15,0	408.240,0
14	ĐT. Tân hiệp - Tân Khai - Nha Bích	ĐT. Chơn Thành - Hoa Lư	ĐT. 756C	13.574,0	42,0	2-2	2,5	2,5	7,0	15,0	15,0	570.108,0
15	Đường tránh Bình Long - Hớn Quản	Quốc lộ 13	ĐT. Tân hiệp - Tân Khai - Nha Bích	13.075,0	57,0	1-1	2,5	2,5	12,0	20,0	20	745.275,0
16	Đường tránh Đông Bình Long	ĐT. 757	Ranh Chơn Thành	25.265,0	57,0	1-1	2,5	2,5	12,0	20,0	20	1.440.105,0
B	ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC			260.185,2								7.618.330,4
I	Đường huyện			120.285,4								3.382.764,8
1	ĐH. An	ĐH. An Phú	Ranh Tỉnh Tây	11.879,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	380.128,0

TT	TÊN ĐƯỜNG	Điểm đầu	Điểm cuối	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG						TỔNG
						KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG	HLBV+ TALUY/ ĐƯỜNG SONG HÀNH		
							trái	phải		trái	phải	
m	m	m	m	m	m	m	m	m ²				
	Phú - Minh Tâm	- Thanh Phú	Ninh									
2	ĐH. An Phú - Thanh Phú	ĐT.752	Đường An Phú - Minh Đức	2.780,0	32,0	3A-3A	5,00	5,00	10-2-10	-	-	88.960,0
		Đường An Phú - Minh Đức	Quốc lộ 13	8.340,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	266.880,0
3	ĐH. Minh Đức - Thanh Bình	Quốc lộ 13	Ranh nội thị	4.345,0	36,0	3B-3B	6,00	6,00	11,5-1-11,5	-	-	156.420,0
		Ranh nội thị	Đường An Phú - Minh Đức	2.551,0	36,0	3C-3C	1,00	1,00	7	13,5	13,5	91.836,0
4	ĐH. Minh Đức - Đồng Nơ	ĐT.752C	ĐT.756C	14.574,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	466.368,0
5	ĐH. Tân Lợi - An Khương - Thanh An	ĐT. 758	ĐT. 756	14.270,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	456.640,0
6	ĐH. Tân Lợi - Phước An - Thanh Bình	Quốc lộ 13	Ranh nội thị	882,0	32,0	3A-3A	5,00	5,00	10-2-10	-	-	28.224,0
		Ranh nội thị	ĐT. 758	8.946,4	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	286.284,8
7	ĐH. Phước An- Tân	ĐH. Tân Lợi - Phước	Ranh Chơn Thành	6.331,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	202.592,0

TT	TÊN ĐƯỜNG	Điểm đầu	Điểm cuối	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG						TỔNG
						KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG	HLBV+ TALUY/ ĐƯỜNG SONG HÀNH		
							trái	phải		trái	phải	
m	m	m	m	m	m	m	m	m	m	m ²		
	Quan	An - Thanh Bình										
8	ĐH. Phước An- Tân Quan nối dài	Đường sắt	Đường tránh Đông Bình Long	1.841,0	32,0	3A-3A	5,00	5,00	10-2-10	-	-	58.912,0
		Đường tránh Đông Bình Long	ĐH. Tân Lợi - Phước An - Thanh Bình	2.215,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	70.880,0
	ĐH. Tân Lợi - Thanh Bình (dự phóng)	ĐT. 758	Đường sắt	9.200,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	294.400,0
9	ĐH. Tân Hưng Thanh An (dự phóng)	ĐT. 757	ĐH. Phước An- Tân Quan	16.695,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	534.240,0
	ĐH. Bù Nho - tân Hưng	ĐT. 758	Ranh Phú Riêng	5.200,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	166.400,0
10	ĐH. Thanh Lương - An Khương (dự phóng)	Quốc lộ 13	ĐH. Tân Lợi - An Khương - Thanh An	10.236,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	327.552,0

TT	TÊN ĐƯỜNG	Điểm đầu	Điểm cuối	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG						TỔNG
						KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG	HLBV+ TALUY/ ĐƯỜNG SONG HÀNH		
							trái	phải		trái	phải	
m	m	m	m	m	m	m	m	m	m	m ²		
II	Đường liên khu vực định hướng			139.899,8								4.235.565,6
1	Đường vào nhà máy xi măng Hà Tiên	Quốc lộ 13	Nhà máy Xi Măng	3.000,0	36,0	11-11	3,50	3,50	3,5-3-7-2-7-3-3,5	-	-	108.000,0
2	Đường Bắc Thanh Lương	Đường vào nhà máy xi măng Hà Tiên	Quốc lộ 14C	7.491,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	239.712,0
3	Đường Tây Nam Thanh Lương	Quốc lộ 13	Quốc lộ 14C	10.877,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	348.064,0
4	Đường Thanh Lương - An Phú	Đường Bắc Thanh Lương	ĐH. An Phú - Thanh Phú	8.000,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	256.000,0
5	Đường An Phú Minh Đức	ĐH. An Phú - Thanh Phú	ĐT. Tân hiệp - Tân Khai - Nha Bích	10.388,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	332.416,0
6	Đường	Đường	ĐT.752C	4.578,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	146.496,0

TT	TÊN ĐƯỜNG	Điểm đầu	Điểm cuối	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG						TỔNG
						KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG	HLBV+ TALUY/ ĐƯỜNG SONG HÀNH		
							trái	phải		trái	phải	
m	m	m	m	m	m	m	m	m	m	m ²		
	Mình Tâm - Hung Chiên	Thanh Phú - An Lộc - Hung Chiên										
7	Đường Thanh Phú - An Lộc - Hung Chiên	ĐH. An Phú - Thanh Phú	Quốc lộ 13	10.217,0	32,0	5-5	10,0	10,0	12,0	-	-	326.944,0
8	Đường Minh Đức - Tân Khai	Quốc lộ 13	ĐT. Chơn Thành - Hoa Lư	22.071,0	28,0	12-12	6,00	6,00	7-2-7	-	-	617.988,0
9	Đường Nguyễn Thái Học	ĐH. Tân Lợi - An Khương - Thanh An	ĐT.752	6.941,0	32,0	5-5	10,0	10,0	12,0	-	-	222.112,0
10	Đường Phú Đức - Tân Lợi	Quốc lộ 13	ĐT,758	4.351,0	20,0	9-9	5,50	5,50	9	-	-	87.020,0
11	Đường Thanh Lương - Phú Đức	ĐT. 757	Đường Nguyễn Thái Học	7.654,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	244.928,0
		Đường Nguyễn Thái Học	Đường Phú Đức - Tân Lợi	3.122,8	32,0	3A-3A	5,00	5,00	10-2-10	-	-	99.929,6
12	Đường An	ĐH. Tân	ĐT. 756C	15.575,0	32,0	3-3	1,00	1,00	7	11,5	11,5	498.400,0

TT	TÊN ĐƯỜNG	Điểm đầu	Điểm cuối	CHIỀU DÀI	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG					TỔNG	
						KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG	HLBV+ TALUY/ ĐƯỜNG SONG HÀNH		
							trái	phải		trái		phải
m	m	m	m	m	m	m	m	m	m ²			
	Khương - Tân Quan	Lợi - An Khương - Thanh An										
13	Đường Đông Tây 29 - Tân Khai	Quốc lộ 13	Đường Liên ẤP 6-7 Tân Khai	15.567,0	24,0	13-13	6,00	6,00	12	-	-	373.608,0
14	Đường Liên ẤP 6-7 Tân Khai	Đường Tân Khai - Đồng Nơ	ĐT.752	4.937,0	24,0	13-13	6,00	6,00	12	-	-	118.488,0
15	Đường Tân Khai - Đồng Nơ	Quốc lộ 13	Đường Tân Hải Vương	5.130,0	42,0	2A-2A	6,0	6,0	12,5-5-12,5	-	-	215.460,0
TỔNG				339.015,4								12.578.080,8

VI.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) Cao độ nền:

+ Khu vực có nền địa chất thuận lợi trong xây dựng công trình, giảm chi phí gia cố nền đất công trình cũng như san lấp mặt bằng.

+ Do điều kiện địa hình của thị xã là có cao độ cao, không có ngập lụt, độ dốc thuận lợi để thoát nước, vậy phương án san nền chủ yếu là bám theo địa hình tự nhiên, san đắp cục bộ khi cần thiết tạo mặt bằng xây dựng, hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên. Chỉ san đắp tập trung đối với các khu vực xây dựng công trình công cộng có diện tích lớn hoặc theo yêu cầu về kiến trúc cảnh quan, độ dốc tối thiểu của nền $I_{min} = 0,3\%$, trong trường hợp cần thiết phải san thành nhiều cấp để giảm khối lượng san đắp. Tuy nhiên cần có các biện pháp gia cố mái dốc taluy tránh sạt lở.

b) Thoát nước mưa:

+ Hướng thoát: hệ thống thoát nước mưa thoát ra hệ thống suối, sông và hồ trong khu vực quy hoạch

+ Các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Nước mưa được thu gom và thoát trực tiếp ra hệ thống kênh rạch.

+ Đối với các điểm dân cư nhỏ lẻ, tuyến dân cư phân tán xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa, nước thải phải được xử lý cục bộ bằng hầm tự hoại.

+ Hệ thống thủy lợi:

+ Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Hồ số 3, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long

+ Đầu tư xây dựng 03 công trình thủy lợi bao gồm: Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với BĐKH-Thành phần tỉnh Bình Phước (2 trạm bơm và các kênh dẫn nước); Hồ Đức Thịnh; Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản.

+ Tại các khu vực nội thị, công nghiệp: Hệ thống thoát nước mưa được quy hoạch riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Tại khu vực ngoại thị, xây dựng hệ thống công thoát nước mưa chung với hệ thống thoát nước thải, hoàn chỉnh gồm tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kỹ thuật, cửa xả, cống tiêu năng và hoạt động theo chế độ tự chảy.

+ Sử dụng công BTCT, xây dựng hệ thống thoát nước, đường kính tối thiểu của cống thoát nước trên các tuyến đường cấp khu vực trở lên là D600mm. Đối với cống có đường kính > 2000mm, sử dụng cống hộp.

+ Sử dụng nguyên tắc nổi cống ngang đỉnh, để đảm bảo hệ thống hoạt động tốt nhất về mặt thủy lực. Độ sâu chôn cống ban đầu tối thiểu: 0,5m tính

đến đỉnh công.

c) Giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu:

- + Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu.
- + Tăng cường cơ sở vật chất và đào tạo lực lượng chuyên nghiệp trong công tác tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn
- + Nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực về ứng phó biến đổi khí hậu.
- + Phân bổ hợp lý nguồn kinh phí hỗ trợ công tác ứng phó BĐKH
- + Tăng cường các tiêu chuẩn xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm chống chịu với khí hậu. Tăng cường quy chuẩn xây dựng, thiết kế nhà ở, nhà cao tầng
- + Nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, nhất là bờ bao, đê bao, đảm bảo an toàn với tần suất thiết kế và thích ứng với các tác động mới của thiên tai.
- + Hỗ trợ nông nghiệp bảo tồn, ví dụ luân canh cây trồng mới, các giống cây chịu hạn hán và lũ lụt.
- + Cải thiện các biện pháp tiết kiệm nước, quản lý nhu cầu sử dụng nước và hệ thống thu gom và lưu trữ nước mưa và nước ngầm
- + Nâng cấp hệ thống thủy lợi và cấp thoát nước.

VI.3. Cấp nước:

- Chỉ tiêu thiết kế:
 - + Nước sinh hoạt (nội thị): 120 lít/người.ngđ.
 - + Nước sinh hoạt (ngoại thị): 100 lít/người.ngđ.
 - + Nước cấp cho công nghiệp: 20 m³/ha.ngđ.
 - + Nước cấp cho công trình thương mại dịch vụ: 10% Qsh.
 - + Nước cấp cho tiểu thủ công nghiệp: 10% Qsh.
 - + Nước cho tưới cây, rửa đường: 10% Qsh.
 - + Nước rò rỉ, thất thoát: 15% lưu lượng chung.
 - + Nước chữa cháy: 55lít/s x 3giờ x 3 đám cháy xảy ra.
- Nhu cầu: Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt toàn khu khoảng 42.600m³/ngày đêm (đến năm 2030) – 52.800m³/ngày đêm (đến năm 2045).
- Nguồn cấp nước:
 - + Khu vực nội thị:
 - Nâng cấp công suất Nhà máy nước hồ Xa Cát tại phường Hưng Chiến theo giai đoạn (2030-2045): công suất 5.000 - 10.000m³/ngđ.
 - Kết hợp sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước hồ thủy điện Srok Phu

Miêng và Nhà máy nước Chơn Thành cấp đến thông qua trạm bơm tăng áp Tân Khai (công suất: 15.000m³/ngđ).

- Nâng cấp công suất các trạm cấp nước tại các khu vực định hướng phát triển thành phường, thị trấn theo giai đoạn (2030-2045) với công suất: 2.700-4.600m³/ngđ.

- Các trạm cấp nước nông thôn còn lại nằm trong khu vực nội thị, tiếp tục sử dụng trong giai đoạn đến năm 2030. Sau đó rà soát tiến đến duy trì hoặc chuyển đổi công năng thành trạm bơm tăng áp.

- + Khu vực ngoại thị: Tiếp tục sử dụng các trạm cấp nước hiện hữu phân tán phục vụ tại chỗ, đồng thời nâng cấp công suất phù hợp với giai đoạn phát triển.

- + Các khu công nghiệp sử dụng trạm cấp nước riêng, đồng thời sử dụng kết hợp nguồn nước từ NMN Chơn Thành thông qua trạm bơm tăng áp Tân Khai.

- Mạng lưới đường ống:

- + Xây dựng các tuyến ống nằm trên các trục đường chính. Các tuyến ống này liên kết với nhau và kết nối với mạng lưới ống cấp nước hiện hữu tạo thành mạng vòng khép kín cấp vào hệ thống của toàn khu.

- + Sử dụng ống HDPE cho các đường ống cấp nước có đường kính $D \leq 200\text{mm}$, sử dụng ống gang cho ống có đường kính $D > 200\text{mm}$.

- + Đường ống cấp nước được đặt trên vỉa hè với độ chôn sâu tối thiểu 0,7m tính từ mặt đất đến đỉnh ống.

- Cấp nước chữa cháy: Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt. Bố trí các họng chữa cháy đặt cách nhau tối đa 150m, ngoài ra khu có sự cố cháy cần bổ sung thêm nước mặt từ sông hoặc kênh rạch gần nhất để chữa cháy.

VI.4. Thoát nước bản, vệ sinh môi trường:

- Chỉ tiêu thiết kế:

- + Thoát nước thải: 100% lưu lượng cấp nước sinh hoạt.

- + Chất thải rắn: 0,9 kg/người.ngày đêm.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt: khoảng 32.800m³/ngày đêm (đến năm 2030) – 41.000m³/ngày đêm (đến năm 2045).

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 234 tấn/ngày đêm (đến năm 2030) - 293 tấn/ngày đêm (đến năm 2045).

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

- + Khu vực nội thị: xây dựng mạng lưới thoát nước thải riêng với nước mưa, các tuyến cống chính thu gom nước thải dẫn về các trạm xử lý nước thải sinh hoạt với tổng công suất trạm dự kiến khoảng 32.800m³/ngđ (năm 2030) và

41.000m³/ngđ (năm 2045) đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt nội thị. nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 14-MT:2015/BTNMT trước khi xả ra môi trường tự nhiên.

+ Khu vực ngoại thị: Hệ thống thoát nước thải chung với nước mưa. Nước trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường.

+ Các khu công nghiệp: Xây mới trạm xử lý nước thải riêng theo các dự án, nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

- Mạng lưới cống thoát nước:

+ Sử dụng mạng lưới thoát nước riêng cho nước thải và nước mưa đối với khu vực nội thị và thoát nước chung đối với khu vực ngoại thị. Sử dụng cống BTCT có đường kính D600 - (WxH) (2000x2000) thu nước chung, cống bao tách nước thải về trạm xử lý đường kính tối thiểu D300.

+ Trên mạng lưới đường phố, các tuyến cống thoát nước là cống tự chảy dùng cống tròn bằng bê tông cốt thép, đặt dưới vỉa hè với độ sâu chôn cống nhỏ nhất là 0,5m, độ dốc tối thiểu là 1/D.

- Xử lý chất thải rắn:

+ Khu vực nội thị: xây dựng các trạm trung chuyển nằm cạnh các trạm xử lý nước thải. Chất thải rắn sau khi phân loại tại điểm trung chuyển sẽ được đưa về khu xử lý chất thải rắn liên huyện công suất 350tấn/ngày theo định hướng quy hoạch tỉnh tại TT. Tân Hưng với diện tích 20ha. Phạm vi thu gom, xử lý: Thị Xã Bình Long, Huyện Hớn Quản, Chơn Thành và một số xã thuộc huyện Lộc Ninh trong phạm vi bán kính nhỏ hơn 40km.

+ Khu vực ngoại thị: Mỗi xã bố trí 1 trạm trung chuyển chất thải rắn với diện tích từ 0,4- 0,5ha. Chất thải rắn sau khi phân loại tại điểm trung chuyển sẽ được đưa về khu xử lý chất thải rắn liên huyện.

- Nghĩa trang:

Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện hữu nằm rải rác trên địa bàn. Dài hạn sử dụng nghĩa trang định hướng vị trí giáp ranh Thị Xã Bình Long mở rộng phục vụ khu vực và TX. Chơn Thành, huyện lộc ninh theo định hướng quy hoạch của tỉnh.

VI.5. Cấp điện:

- **Nguồn điện:** khu vực được cấp điện bởi các trạm biến áp:

+ Trạm biến áp Bình Long 220/110kV – 2x250MVA hiện hữu (thuộc thị xã Bình Long).

+ Trạm biến áp Hớn Quản 220/110kV – 250MVA dự kiến.

+ Trạm Bình Long 110/22kV-2x40MVA hiện hữu, sẽ nâng lên

2x63MVA.

- + Trạm Tân Hưng 110/22kV – 40+63MVA dự kiến.
- + Trạm Tân Quan 110/22kV – 2x63MVA dự kiến.
- + Trạm Bình Long 3 110/22kV – 2x63MVA dự kiến.
- + Trạm XM Minh Tâm 110/22kV – 2x25+30MVA hiện hữu.
- + Trạm XM An Phú 110/22kV – 2x40MVA hiện hữu.
- + Trạm Minh Hưng 3 110/22kV – 2x63MVA dự kiến.
- + Trạm Sikico 110/22kV – 2x63MVA dự kiến.
- + Các trạm 110kV XM An Phú, XM Minh Tâm, Sikico, Minh Hưng 3 là các trạm chuyên dùng.

+ Các trạm 110kV Bình Long, Tân Hưng, Tân Quang, Bình Long 3 là các trạm cấp điện cho lưới phân phối 22kV.

- Bảo đảm đủ năng lượng cho nhu cầu phát triển của thị xã. Hướng đến phát triển hệ thống cung cấp điện và năng lượng thông minh. 100% khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, nhà máy sử dụng điện Quốc gia và năng lượng tái tạo. Đảm bảo đủ công suất điện để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của nhân dân. 100% xã đạt tiêu chí số 4 nâng cao về điện nông thôn mới. 100 % số hộ sử dụng điện lưới Quốc gia và năng lượng tái tạo.

- Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây truyền tải 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới, đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt là tại khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các đô thị mới; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn điện.

- Khu vực cần sản lượng điện lớn, cần tăng cường bố trí các trạm biến áp và lưới điện trung hạ thế đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện.

- Phát triển nguồn điện và lưới điện theo quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia và quy hoạch phát triển điện lực Bình Phước đã được phê duyệt để đáp ứng nhu cầu phụ tải và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

- Hoàn chỉnh mạng lưới phân phối điện cho toàn thị xã, bao gồm đường dây và trạm trung hạ thế theo quy định.

- Quy hoạch phát triển nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện sinh khối, điện từ rác, điện khí sinh học,...

– Lưới điện

• *Lưới Cao thế:* Trong khu quy hoạch có các tuyến cao thế 500kV, 220kV, 110kV dự kiến đi ngang qua, cần có hành lang bảo vệ lưới điện theo Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 Quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện như sau:

- Tuyến cao thế 500kV có hành lang bảo vệ lưới điện 50m (tính từ tim tuyến ra mỗi bên 25m) hoặc khoảng cách ngang từ mặt phẳng thẳng đứng của dây dẫn ngoài cùng của đường dây không 500kV là 7 mét.

- Tuyến cao thế 220kV có hành lang bảo vệ lưới điện 22m (tính từ tim tuyến ra mỗi bên 11m) hoặc khoảng cách ngang từ mặt phẳng thẳng đứng của dây dẫn ngoài cùng của đường dây không 220kV là 6 mét.

- Tuyến cao thế 110kV có hành lang bảo vệ lưới điện 16m (tính từ tim tuyến ra mỗi bên 8m) hoặc khoảng cách ngang từ mặt phẳng thẳng đứng của dây dẫn ngoài cùng của đường dây không 110kV là 4 mét.

- *Lưới 500kV*: Tuyến 500kV Chơn Thành – Tây Ninh dự kiến.

- *Lưới 220kV*:

- Tuyến đường dây 220kV mạch kép Đắc Nông- Bình Long.

- Tuyến đường dây 220kV mạch kép Chơn Thành - Bình Long.

- Tuyến 220kV dự kiến trên địa bàn huyện : Nhánh rẽ đầu nối trạm 220kV Hớn Quản đầu nối chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 220kV Bình Long 2 - Chơn Thành

- *Lưới 110kV*:

- Các tuyến 110kV hiện có trên địa bàn:

- + Tuyến đường dây 110kV mạch đơn từ trạm 220kV Bình Long 2 - trạm 110kV Cần Đơn.

- + Tuyến đường dây 110kV mạch đơn từ trạm 220kV Bình Long 2 - trạm 110kV Bình Long

- + Tuyến đường dây 110kV từ trạm 110kV Bình Long - trạm 110kV xi măng Tây Ninh

- + Tuyến đường dây 110kV từ trạm 110kV Bình Long - trạm 220kV Tây Ninh.

- + Tuyến đường dây 110kV mạch đơn từ trạm lộ 220kV Bình Long 2- rẽ xi măng Bình Phước- Chơn Thành.

- + Tuyến đường dây 110kV mạch đơn từ lộ 176 trạm 220kV Bình Long 2- lộ 172 trạm 110kV Dầu Tiếng (tỉnh Tây Ninh)

- + Nhánh rẽ đường dây 110kV 2 mạch đầu nối trạm 110kV XM An Phú đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV trạm 220kV Bình Long 2 – trạm 110kV Bình Long.

- + Nhánh rẽ đường dây 110kV 2 mạch đầu nối trạm 110kV XM Minh Tâm đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV trạm 110kV Bình Long – trạm 110kV XM Tây Ninh.

- Các tuyến 110kV dự kiến trên địa bàn

+ Nhánh rẽ trạm 110kV Sikico đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV Bình Long 2 – trạm 110kV Dầu Tiếng.

+ Nhánh rẽ đường dây 110kV mạch kép đầu nối trạm 110kV Tân Hưng chuyển tiếp trên một mạch đường dây 110kV Chơn Thành - Bình Long 2.

+ Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Minh Hưng 3 đầu chuyển tiếp trên một mạch đường dây 110kV từ trạm 220kV Bình Long 2- Chơn Thành.

+ Nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Tân Quan đầu chuyển tiếp trên đường dây mạch 2 Phước Long- Đồng Xoài.

+ Đường dây 110kV mạch kép từ trạm 220kV Hớn Quản - trạm 110kV Bình Long 3.

+ Đường dây 110kV từ trạm 220kV Hớn Quản - trạm 110kV Sikico.

- *Lưới phân phối*

- Tuyến trung thế: Dự kiến cải tạo và nâng khả năng truyền tải của các tuyến điện hiện hữu, đồng thời với sự phát triển các trạm biến áp 110kV mới, sẽ xây dựng các tuyến trung thế mới đáp ứng yêu cầu tiêu thụ điện trong huyện.

- **Trạm hạ thế**

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4kV.
- Trong trung tâm thị xã, thị trấn, các trạm sinh hoạt nên dùng trạm tập trung đặt trong nhà, có dung lượng lớn từ 250kVA trở lên.
- Khu vực nông thôn sử dụng trạm có dung lượng nhỏ, đặt trên trụ.

VI.6. Thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: hệ thống hạ tầng viễn thông khu vực được cấp từ viễn thông tỉnh bình Phước, viễn thông hớn quản, viễn thông thị xã bình long.

- Mạng lưới viễn thông: các tuyến viễn thông chính dọc đường quốc lộ 13 và các tuyến đường chính trong khu vực.

- Thiết kế: nguồn tín hiệu chính được lấy từ hệ thống tổng đài của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông như VNPT, viettel, mobiphone, FPT, SCTV...

- Trong tương lai cần xây dựng cần xây dựng các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông để rút ngắn khoảng cách giữa các tổng đài bưu điện nhằm đáp ứng tốt dịch vụ viễn thông cho toàn khu quy hoạch.

- Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch là một hệ thống công bề thông tin chờ khi mạng cáp được triển khai.

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến công bề trong khu vực: tất cả các tuyến công bề có dung lượng là 1-4 ống HDPE $\phi 110 \times 5$ mm được đi một hoặc hai bên hè đường tùy theo nhu cầu.

- Bề cáp trong khu vực sử dụng bề xây bằng đá chẻ hoặc BTCT loại 1,2

nắp đan 1-2 lớp ống.

- Tại các khu vực trong dự án bố trí các tủ cáp có dung lượng phù hợp với quy mô khu vực để thuận tiện cho việc lắp đặt các tập điểm cho từng khu vực sau này.

- Các tuyến cống bê tông $\phi 110 \times 5 \text{mm}$ sẽ được đi ngầm dưới độ sâu $> 0,6 \text{m}$. Những vị trí lắp đặt cống cáp qua đường thì lắp đặt ống thép chịu lực chôn sâu $0,7 \text{m}$.

- Mạng cáp này sử dụng cáp quang hoặc đồng xoắn, tùy theo điều kiện nhà khai thác dịch vụ, đường kính $0,5 \text{mm}$, loại cáp có dầu chống ẩm đi trong ống. Tất cả cáp được chạy trong hệ thống cống, bể cáp của mạng ngoại vi.

VII. CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN ĐÔ THỊ; CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN QUỐC PHÒNG AN NINH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

a) Các quy định về không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị:

- Đối với không gian, kiến trúc cảnh quan khu trung tâm đô thị: Kết hợp xây dựng mới và cải tạo khu dân cư hiện có, gồm nhiều khu chức năng như khu dân cư xây dựng mới, dân cư hiện trạng cải tạo, trung tâm dịch vụ thương mại, văn hóa thể thao, cây xanh công viên, các công trình dịch vụ du lịch,... có chiều cao công trình và hình thức kiến trúc khang trang, hài hòa, đảm bảo các quy định về khoảng lùi, mật độ xây dựng, tỷ lệ cây xanh... theo quy định.

- Đối với không gian kiến trúc cảnh quan các trung tâm xã: Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội tại các khu trung tâm xã kết hợp định hình các điểm dân cư mới mang tính chất nông thôn kết hợp phát triển nông, lâm nghiệp nhưng vẫn đảm bảo là đầu kéo cho các khu vực ngoại thị có vị thế và mối quan hệ mật thiết với các cơ sở hạ tầng kinh tế tạo động lực lớn của khu vực.

- Không gian kiến trúc cảnh quan các khu chức năng đô thị: Không gian toàn đô thị được định hướng phù hợp với phân khu chức năng đô thị. Tận dụng địa hình tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội để tổ chức không gian đô thị và bố trí hệ thống kỹ thuật đạt hiệu quả cao về thẩm mỹ, về đầu tư và khai thác sử dụng. Việc lập quy hoạch chung thị xã Bình Long (mở rộng) ưu tiên theo hướng tận dụng những điều kiện sẵn có, phát huy lợi thế mang đến từ các dự án chiến lược vùng yêu cầu tổ chức không gian phải đẹp, hiện đại, thuận tiện cho sản xuất và thương mại dịch vụ. Tổ chức các trục đường lớn vừa là trục cảnh quan vừa là động lực phát triển kinh tế xã hội.

b) Các vấn đề liên quan đến an ninh quốc phòng:

- Đồ án quy hoạch đưa ra tầm chiến lược, đồng bộ, đảm bảo phân bố dân cư, phát triển kinh tế xã hội, xây dựng và bố trí thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên toàn đô thị.

- Phát triển đô thị, khu công nghiệp theo hướng hiện đại là yêu cầu khách

quan, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường an ninh quốc phòng.

c) Các biện pháp bảo vệ môi trường:

- Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:

+ Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

+ Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu hành chính - công cộng đạt QCVN 05: 2023/BTNMT.

+ Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100%.

+ Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải là 100%. Nước thải sau khi thu gom được dẫn về bể xử lý nước thải cục bộ.

+ Đảm bảo diện tích đất cây xanh khu nội thị và các khu công nghiệp đáp ứng tiện nghi môi trường.

+ Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100% ở những nơi có điều kiện.

- Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch:

+ Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện: Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạch định cao độ nền thích hợp phòng chống ngập, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm từ chất thải rắn, kiểm soát ô nhiễm nước thải. Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường.

VIII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN:

- Ưu tiên thực hiện các đồ án quy hoạch phân khu những đơn vị hành chính dự kiến thành lập phường, chương trình phát triển đô thị, quy chế quản lý kiến trúc đô thị,... là tiền đề phục vụ cho đề án thành lập thị xã mở rộng và các phường thuộc thị xã Bình Long (mở rộng).

- Ưu tiên phát triển xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng phúc lợi xã hội, công trình công cộng... nhằm phục vụ nâng cấp thị xã mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Nguồn lực từ các chương trình ưu tiên, dự án ưu đãi của tỉnh, xã hội hóa đầu tư, thu hút kêu gọi đầu tư và đầu tư trên địa bàn, trọng tâm phục vụ cho thị xã Bình Long nâng cấp và quản lý phát triển bền vững.